

**10. CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH/ HIỆU CHUẨN CÁC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM
(CÒN HIỆU LỰC)**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665

Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0154 /MKN/2025

MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN

Tên đối tượng:

Object:

Kiểu: SYE-2000

Số: 200107

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: China

Năm: 2020

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

+ Cấp chính xác: 1

Specifications:

Accuracy:

+ Thang đo (Measuring range): 2000 kN

Giá trị độ chia (Division): 0,01 kN (0 ÷ 999,99) kN

Giá trị độ chia (Division): 0,1 kN (1000 ÷ 2000) kN

Nơi sử dụng:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Place:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện:

DLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -

Method of verification:

CHỨNG THỰC BÀN SÀO DỰNG VỚI BAN QUẢN LÝ Quy trình kiểm định

Kết luận:

Số chủ đầu tư: 2918102

Conclusion:

Số tem kiểm định:

Ngày: 15/12/2025

Verification stamp N°:

3112-2026 CÔNG VIÊN

Thời hạn đến: (*)

Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Kiểm định viên
Verifier by

Nguyễn Hữu Phước



Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số: 0154 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định:
Mode of Verification:

Kiểm định định kỳ
Subsequent verification

- Phương kiểm định:
Direction of verification:

Nén
Compression

Phạm vi đo: 2000 kN		
Measuring range:		
Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,00	/
400,00	402,93	-0,73
800,00	806,13	-0,76
1200,0	1207,03	-0,58
1600,0	1605,98	-0,37
2000,0	2008,38	-0,42



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 01.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén**

Kiểu (Type): SYE - 2000

Số (Serial N^o): 200107

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Năm sản xuất: 2020

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 999) kN, độ phân giải: 0,01 kN

Phạm vi đo: (1 000 ÷ 2 000) kN, độ phân giải: 0,1 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0÷2 225) kN

Bộ hiển thị COOPER, Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 29210/02 ngày 09 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định Ngày: 18-12-2025 Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
PHÚ CƯỜNG
S.S.D.K.H.D.792024020121-G.T.H.D.
P.THỦ DẦU MỘT - T.PHỐ CHI MINH

Chu Công Cảnh

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN
CHUYÊN NGÀNH
KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG
HOÀNG ANH GIANG

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	300	302,81
3	600	605,23
4	900	906,32
5	1200	1 206,91
6	1 500	1 506,04
7	1 800	1 804,16

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,58 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)


Nguyễn Đức Lương



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.2567.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Áp kế - Máy đo hàm lượng bọt khí của bê tông**

Kiểu (Type) : **CA-3** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2507103**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **(0 ~ 0,1) MPa**
Giá trị vạch chia nhỏ nhất: **0,002 MPa**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-17**

Quy trình hiệu chuẩn **Áp kế kiểu lò xo**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Áp kế chuẩn: (0 ~ 700) bar /Eurotron; U = 0,025

Kết quả (Results) Số chứng thực: **2910109** Kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày: **18-12-2025**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **02-12-26**

**VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
ĐIỀU CHỈNH**
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy
Phạm Quang Duy

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
(Director)



Trần Đình Loan
GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2567.25

	chuẩn (standard)	P đo tb (test mean)	ΔP	(*) U_{exp}
	MPa	MPa	MPa	MPa
1	0,00	0,000	0,000	0,01
2	0,01	0,010	0,001	0,01
3	0,02	0,020	0,000	0,01
4	0,04	0,041	0,001	0,01
5	0,06	0,061	0,001	0,01
6	0,08	0,080	0,000	0,01

Phương trình hiệu chuẩn:

Giá trị áp suất chuẩn được tính như sau:

$$P_{\text{hiệu chính}} = 0,002 + 1,01 * P_{\text{đọc}} \pm 0,01$$

Trong đó:

$P_{\text{đọc}}$ là giá trị áp suất hiện thị trên thiết bị

$P_{\text{hiệu chính}}$ là giá trị áp suất sau khi hiệu chỉnh

Điều kiện hiệu chuẩn (Calibration conditions):

Nhiệt độ (Temperature): $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity): $(55 \pm 10) \%RH$



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): **IMC.2568.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Bộ xuyên bê tông**

Kiểu (Type) : **HG-80S** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **20251030**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Lực nén: 1200 N**

Độ phân giải: 5 N

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,13.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

Ngày: (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **02 - 12 - 26**



Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2568.25

	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Lực nén	1200 N	1202,45 N	1,2
2	Độ sâu	150 mm	150,3 mm	0,1 mm
3	Khuôn mẫu			
3.1	Đường kính trên	160 mm	159,8 mm	0,1 mm
3.2	Đường kính dưới	150 mm	149,5 mm	0,1 mm

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo $U = 1,2 \%$; với xác suất tin cậy $P = 95 \%$, hệ số phủ $k = 2$.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0868.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): **IMC.2568.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Bộ xuyên bê tông**

Kiểu (Type): **HG-80S** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **20251030**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Lực nén: 1200 N**

Độ phân giải: 5 N

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,13 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

Kết quả (Results): Số chứng thực **29195.02** kèm kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày: **18-12-2025**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended re-calibration date): **02-12-26**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2568.25

Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả		
		Giá trị đo được	U	
1	Lực nén	1200 N	1202,45 N	1,2
2	Độ sâu	150 mm	150,3 mm	0,1 mm
3	Khuôn mẫu			
3.1	Đường kính trên	160 mm	159,8 mm	0,1 mm
3.2	Đường kính dưới	150 mm	149,5 mm	0,1 mm

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo $U = 1,2 \%$; với xác suất tin cậy $P = 95 \%$, hệ số phủ $k = 2$.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): **IMC.2568.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Bộ xuyên bê tông**

Kiểu (Type) : **HG-80S** Số (Serial No) / Mã QL (Tag No): **20251030**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Lực nén: 1200 N**

Độ phân giải: 5 N

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực (Force transducers)**

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,13.10⁻²

Được liên kết với hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

Số chứng thực: **29195/02-SCT/BS**

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

Ngày: **18/12/2025** (See the results of the calibration on the next page)

CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **02 - 12 - 26**



Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration laboratory)

Phạm Quang Duy

Bùi Bình Minh

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2568.25

	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Lực nén	1200 N	1202,45 N	1,2
2	Độ sâu	150 mm	150,3 mm	0,1 mm
3	Khuôn mẫu			
3.1	Đường kính trên	160 mm	159,8 mm	0,1 mm
3.2	Đường kính dưới	150 mm	149,5 mm	0,1 mm

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo $U = 1,2 \%$; với xác suất tin cậy $P = 95 \%$, hệ số phủ $k = 2$.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.8003.25

Tên phương tiện đo (Object): Bộ nhót kế VEBE

Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 8003.25

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Theo tài liệu nhà sản xuất

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): So sánh trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thước cặp điện tử

Kết quả (Results):

Xem kết quả trang sau
(See the results on the next page)

Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo: 02 - 12 - 26
(Retesting recommended)

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH (Date of issue)

Số chứng thư: 29100002 Quyển số: 02 SCT/BS

Trưởng phòng thí nghiệm 18-12-2025
(Head of calibration Laboratory)

GIÁM ĐỐC
(Director)

Phạm Quang



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy kết quả đo số (attached to certificate No): IMC.8003.25

Kích thước nón nén	Giá trị danh định	Giá trị đo được
Đáy trên	100 mm	(100 ± 0,3) mm
Đáy dưới	200 mm	(200 ± 0,5) mm
Chiều cao	300 mm	(300 ± 0,6) mm

❖ Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ: (25 ± 2) °C
- Độ ẩm: (55 ± 10) %RH



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8003.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Bộ nhớt kế VEBE**

Kiểu (Type): **N/A**

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №):

8003.25

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Theo tài liệu nhà sản xuất**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **So sánh trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Thước cặp điện tử**

Kết quả (Results):

Xem kết quả trang sau
(See the results on the next page)

Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo: **02 - 12 - 26**
(Retesting recommended)

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực quyền số SCT/BS
(Date of issue)

Ngày: **18-12-2025**

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Dũng



GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without the approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy kết quả đo số (attached to certificate №): IMC.8003.25

Kích thước nón nén	Giá trị danh định	Giá trị đo được
Đáy trên	100 mm	(100 ± 0,3) mm
Đáy dưới	200 mm	(200 ± 0,5) mm
Chiều cao	300 mm	(300 ± 0,6) mm

❖ Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ: (25 ± 2) °C
- Độ ẩm: (55 ± 10) %RH



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8003.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Bộ nhớt kế VEBE**

Kiểu (Type): **N/A**

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №):

8003.25

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Theo tài liệu nhà sản xuất**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **So sánh trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Thước cặp điện tử**

Kết quả (Results):

Xem kết quả trang sau
(See the results on the next page)

Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo: **02 - 12 - 26**
(Retesting recommended)

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH (Date of issue)

Số chứng thực **29100302** Quyển số **02** SCT/BS

Ngày **18-12-2025**
Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Dũng



GIÁM ĐỐC
(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Loan

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy kết quả đo số (attached to certificate №): IMC.8003.25

Kiểm thước nón nén	Giá trị danh định	Giá trị đo được
Đáy trên	100 mm	(100 ± 0,3) mm
Đáy dưới	200 mm	(200 ± 0,5) mm
Chiều cao	300 mm	(300 ± 0,6) mm

❖ Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ: (25 ± 2) °C
- Độ ẩm: (55 ± 10) %RH



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel. 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 13.029.25



Tên phương tiện đo (Object): Áp kế lò xo của máy thử thấm bê tông

Kiểu (Type): Lò xo

Số (Serial N^o): 0084482

Nước sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 4) MPa

Độ chia: 0,1 MPa/vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia

Địa điểm thực hiện (The Place): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (The Method used): ĐLVN 76 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Áp kế hiện số, model: DPI 610

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

(See the calibration results on the next page)

Số chứng nhận: 64.15... quyền số: 0.1 SGT/BS

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày: 28 -04- 2025

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Chu Công Cảnh



Hoàng Anh Giang

Bùi Bình Minh

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của

Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of

Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT	Giá trị áp suất trên áp kế cần hiệu chuẩn (MPa)	Giá trị áp suất trên áp kế chuẩn (MPa)		Sai số khi áp suất tăng (MPa)	Sai số khi áp suất giảm (MPa)
		Áp suất khi tăng	Áp suất khi giảm		
1	0	0	0	0	0
2	0,60	0,61	0,61	-0,01	-0,01
3	1,20	1,22	1,22	-0,02	-0,02
4	1,80	1,84	1,82	-0,04	-0,02
5	2,40	2,45	2,43	-0,05	-0,03
6	3,00	3,06	3,04	-0,06	-0,04
7	3,60	3,67	3,66	-0,07	-0,06

- Phương trình hiệu chuẩn:

$$P_{\text{thực}} = 0,00167 + 1,01786 * P_{\text{đo}}$$

Trong đó:

$P_{\text{thực}}$: là giá trị áp suất chỉ thị trên áp kế cần hiệu chuẩn (MPa)

$P_{\text{đo}}$: là giá trị áp suất trên chuẩn (MPa)

- Độ không đảm bảo đo mở rộng : $U = 0,068$ MPa

- Hệ số phủ : $k = 2,228$

- Mức độ tin cậy: 95 %

- Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

- Độ ẩm : $(60 \pm 5) \%RH$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (BK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): 25H 9315 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thước cặp
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Khoảng đo: 0 – 200 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 119:2003
Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu

Được liên kết chuẩn với Cục tiêu chuẩn - Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 02 - 12 - 2026

Số chứng thực: 02/BS

Ngày: 18 -12- 2025

Hà Nội, Ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật CÔNG CHỨNG VIÊN
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

(Handwritten signature)



Hoàng Tiến Dũng

PGĐ: Cao Văn Hùng

Bùi Bình Minh



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận kết quả đo số (Attached to certificate No): 25H 9315/MB.CN

1. Kiểm tra thước đo ngoài

STT	Chuẩn (mm)	Kết quả chỉ thị (mm)	Sai số hiệu chỉnh (mm)
1	50.00	50.00	0.00
2	100.00	99.99	0.01
3	150.00	150.00	0.00
4	200.00	199.99	0.01

2. Kiểm tra thước đo trong

STT	Chuẩn (mm)	Kết quả chỉ thị (mm)	Sai số hiệu chỉnh (mm)
1	15.00	15.01	0.01

3. Kiểm tra thước đo sâu

STT	Chuẩn (mm)	Kết quả chỉ thị (mm)	Sai số hiệu chỉnh (mm)
1	10.00	10.00	0.00

Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvu3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22816

Tên phương tiện đo /Object: **MÁY THỬ ĐỘ MÀI MÒN LOS ANGELES**
 Kiểu MH-II Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Tốc độ quay danh nghĩa / Nominal speed : 30 rpm

Technical Specification

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**
 Customer Số 195/8 Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : Số 195/8 Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration: KV3/QTHC- TS02 : 2020
 Phương tiện đo có cơ cấu quay - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng / Standards Used : -KV3.TS01- Chuẩn Tần số

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực /Due date : 22/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 5) °C
 Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 20) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion: Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label: Số chứng nhận hiệu chuẩn / Certificate No. KV3 - 22816

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 10/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/12/2026

Recalibration Date as Requested



TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

[Signature]

Trần Thị Hiền

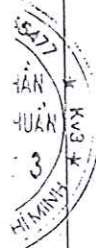


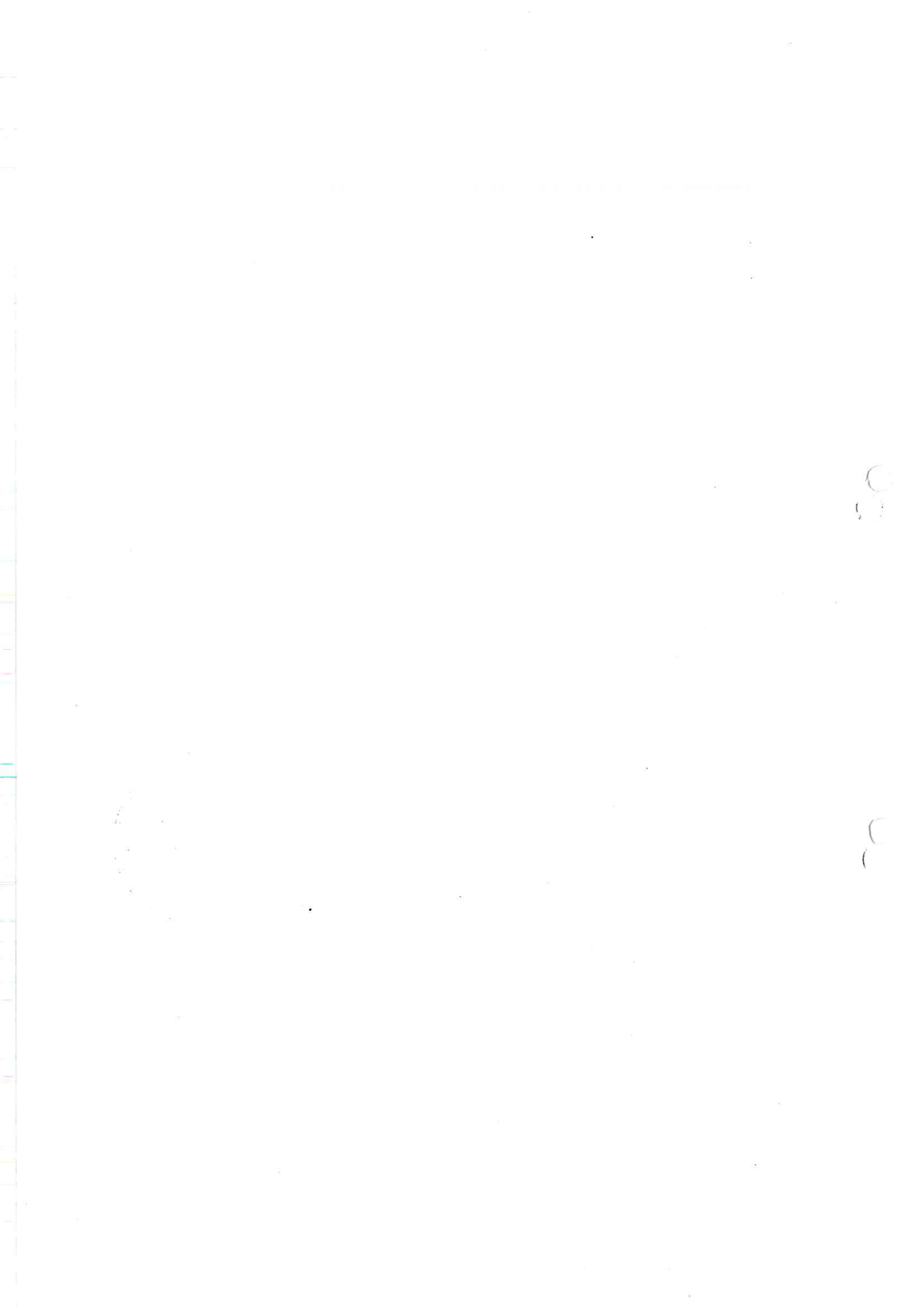
KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22816
(Attached to certificate No)

Giá trị cài đặt/ Set Value (rpm)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (rpm)	Sai số Error (rpm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty $k = 2; P = 95\%$ (rpm)
30	31,2	-1,2	1,42

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thực pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.
The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẢN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẢN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0151 /MKN/2025

Tên đối tượng: MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN

Object:

Kiểu: WDW-100A

ype:

Nơi sản xuất: China

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: + Cấp chính xác: 1

Specifications:

+ Thang đo : (0 ÷ 100) kN

Measuring range :

Số: 2502196

Serial No:

Năm: 2025

Year:

Giá trị độ chia: 0,01 kN

Division:

Nơi sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Place: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -

Method of verification:

Quy trình kiểm định

Kết luận:

Conclusion:

CHÚNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số chứng thực: 2917802 SCT/BS

Ngày: 65A.12879
18-12-2025

Số tem kiểm định:

Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*)

Valid until:

31-12-2026

CHUYÊN VIÊN

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước

Bùi Bình Mạnh

Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

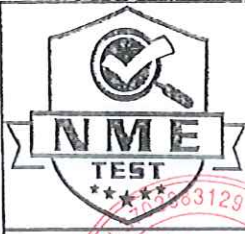
Số (N^o): 0151 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định: Kiểm định định kỳ
Mode of Verification: Subsequent verification

- Phương kiểm định: Nén
Direction of verification: Compression

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,000	/
20,00	19,981	0,10
40,00	39,954	0,12
60,00	59,925	0,13
80,00	79,952	0,06
100,00	99,975	0,03

[Handwritten mark]



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (No): 25H 2431/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Máy kiểm tra kéo nén đa năng

Kiểu (Type): WDW-100A

Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 2052196

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 - 100) kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address):

195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

CHUNG THỰC BÀN SAO DỰNG VỚI BÀN CHỮ
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended) Số chứng thư quyền số 22/BS 04 - 2026

Ngày 18-12-2025 Hà Nội, Ngày 22 tháng 04 năm 2025

(Date of issue)

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



Hoàng Tiến Dũng

Bùi Bình Minh

PGĐ. Cao Văn Hùng

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)



chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 25H 2431/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (kN)	Lực đo được (kN)
Thang đo (0÷100kN)		
1	0,00	0,00
2	10,00	10,01
3	20,00	19,95
4	30,00	29,95
5	40,00	40,04
6	50,00	49,89
7	60,00	60,19
8	70,00	69,14
9	80,00	80,06

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): 25H 2430/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo chiều dày – Đồng hồ điện tử
Kiểu (Type): STT-950 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): SYA 2404138531
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: 0-12.7mm/0.5”
Độ chính xác: 0.01mm/0.0005”

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ
Đầu Một, Tỉnh Bình Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001
Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; $U = (0,1 + 2.L) \mu m$, [L]:m

Kết quả (Results):

Dài đo kiểm tra (mm)	2.000	4.000	6.000	8.000	10.000
Kết quả đo(mm)	2.002	4.001	6.000	8.002	10.001

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **CHỨNG THỰC DAN SÀO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**
Số chứng nhận quyền số SCT/BS 0 22-04 - 2026

Ngày: 28-04-2025 Hà Nội, Ngày 22 tháng 04 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical) **NGO THI HONG THU** Giám Đốc (Director)

Handwritten signature of Hoàng Tiến Dũng
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGÔ THỊ HỒNG THU
T.P. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

Handwritten signature of Bùi Bình Minh
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC
Đ. HÀ ĐÔNG - Q. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665

Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0153 /MKN/2025

Tên đối tượng: MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN

Object:

Kiểu: WEW-1000B

Số: 200112

Serial No:

Loại:

Nơi sản xuất: China

Năm: 2020

Year:

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: + Cấp chính xác: 1

Specifications:

Accuracy:

+ Thang đo : (0 ÷ 1000) kN

Giá trị độ chia: 0,01 kN

Measuring range :

Division:

Nơi sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Place: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện: DLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -
Quy trình kiểm định

Kết luận: CHỨNG THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG

Conclusion:

Số tem kiểm định: 65A 12881

Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*) 31-12-2026

Valid until:

CHỨNG THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG

Số chứng thư: 291880 số 02/CT/BS

Ngày: 18-12-2025

31-12-2026
CÔNG CHỨNG VIÊN

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước

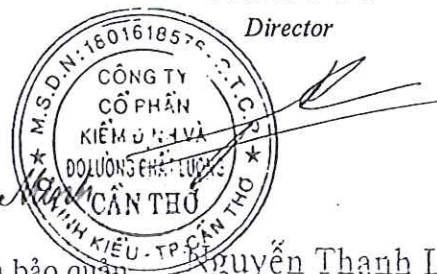


Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

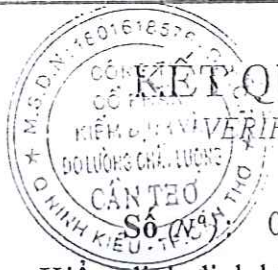
Director



Bùi Bình Minh

Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (M): 0153 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định:
Mode of Verification:

Kiểm định định kỳ
Subsequent verification

- Phương kiểm định:
Direction of verification:

Nén
Compression

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,00	/
200,00	198,56	0,72
400,00	399,69	0,08
600,00	598,83	0,19
800,00	801,24	-0,15
1000,00	1001,87	-0,19



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: 81 Trần Hưng Đạo - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.36361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): **02.029.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo, nén, uốn**

Kiểu (Type): **WEW - 1000B**

Số (Serial N^o): **200112**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Năm sản xuất: **2020**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications):

Phạm vi đo: **(0 ÷ 1 000) kN**, độ phân giải của bộ hiển thị: **0,01 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): **195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0÷2 225) kN**

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **2020207** Bộ hiệu thị: **COOPER, Model DFI 4215**

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results): **CÔNG CHỨNG VIÊN** Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended): **30 - 4 - 2026**



Ngày **09 tháng 4 năm 2025**

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định Bình Minh Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh



Hoàng Anh Giang

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(*Calibration results*)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	150	149,78
3	300	297,52
4	450	446,67
5	600	595,73
6	750	744,81
7	850	843,08

Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): $U = 0,51 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(*Calibrated by*)

Nguyễn Đức Lương



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

ZONE 3



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22721

Tên phương tiện đo / Object:

GÔNG TỪ

MAGNETIC YOKE TESTING INSTRUMENT

Kiểu : CJE
 Type

Số hiệu : F25537
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Sức nâng / Lifting Power : 7 kg

Technical Specification

Khách hàng :
 Customer

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA
 Số 195/8 Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :
 Calibration Place

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3
 Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration

QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN
 SỐ CHỈ DẪN: 293.13.02
 SỞ CHỨNG CHỨNG HIỆU CHUẨN

Chuẩn được sử dụng / Standards Used :

Quả tải / Steel weight : 4,536 kg (10 lbs)

Kết quả / Results :

Sức nâng (Lifting Power) > 4,5 kg (10 lbs)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 22721

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

05/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng

05/12/2026

Recalibration Date as Request of Customer



TP. HCM, Ngày 06 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
 1A

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK. 434)
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

ZONE 3



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22721

Tên phương tiện đo /Object:

GÔNG TỪ

MAGNETIC YOKE TESTING INSTRUMENT

Kiểu : CJE
 Type

Số hiệu : F25537
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

- Sức nâng / Lifting Power : 7 kg

Technical Specification

Khách hàng :
 Customer

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA
 Số 195/8 Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :
 Calibration Place

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3
 Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration

QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN GÔNG TỪ QUY TRÌNH HIỆU CHUẨN

Chuẩn được sử dụng /Standards Used :

Quả tải / Steel weight : 4,536 kg (10 lbs)

Kết quả /Results :

Sức nâng (Lifting Power) > 4,5 kg (10 lbs)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 22721

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

05/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng

05/12/2026

Recalibration Date as Request of Customer



TP.HCM, Ngày 06 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

Date of issue

Bùi Bình Minh
KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add): Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD: Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh

G-mail: kiemdinhhkhuvu3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website: www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22721

Tên phương tiện đo /Object: **GÔNG TỪ**
MAGNETIC YOKE TESTING INSTRUMENT

Kiểu: CJE Số hiệu: F25537 Nơi sản xuất: Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Sức nâng / Lifting Power: 7 kg

Technical Specification

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**
 Customer Số 195/8 Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn: **PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3**
 Calibration Place Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration: **KV3/QTHG.Đ02.2019**



Chuẩn được sử dụng /Standards Used: Quả tải / Steel weight: 4,536 kg (10 lbs)

Kết quả /Results: Ngày: 18-12-2025
 Sức nâng (Lifting Power) > 4,5 kg (10 lbs)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label: **CÔNG CHỨNG VIÊN KV3 - 22721**

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 05/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng 05/12/2026

Recalibration Date as Request of Customer.



Ngày 06 tháng 12 năm 2025
 Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Phó Giám đốc / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).





BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
 Vietnam Institute for Building Science and Technology
 Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.35361197
 Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 06.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén Marshall**

Kiểu (Type): LWD-3A

Số (Serial N^o): KAR02A2004007

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 30) kN

Độ phân giải: 0,01 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo: (0 ÷ 44,5) kN

Bộ hiển thị COOPER, Model: DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Ngày 09 tháng 4 năm 2025

Số chứng chỉ: 29183/2025 Quyển số: 02/2025 Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định - 2025 Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Không được sao chép rời của trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	3	3,03
3	6	6,05
4	9	9,07
5	12	12,08
6	15	15,10
7	18	18,12
8	21	21,15
9	24	24,21
10	27	27,24
11	30	30,27

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(22 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,49 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
 Vietnam Institute for Building Science and Technology
 Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
 Website: www.ibsl.vn - Email: vienkhcnxd@ibsl.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 08.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Nhiệt kế chỉ thị hiện số của bể ổn nhiệt**

Kiểu (Type): DHC-57

Số (Serial N^o): 190929

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo: (10 ÷ 100)°C, độ phân giải của bộ chỉ thị: 0,1°C

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia

Địa điểm thực hiện (The Place): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (The Method used): ĐLVN 138 : 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383 (9)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,1 °C

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 20215-02/2025
 Số quyết định: 867/BS

Ngày: 18-12-2025 Ngày 09 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định Công Chứng Viên chuyên ngành Kết cấu CTXD

CHU CÔNG CẢNH
 VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHÚ CƯỜNG

HOÀNG ANH GIANG
 VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
 (The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của nhiệt kế (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chính (°C)
50	51,3	50,07	-1,23
70	72,0	70,07	-1,93
90	92,3	90,08	-2,22

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,3^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing Certificate)

SỐ (N^o): 07.029.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy quay ly tâm chiết tách nhựa

Kiểu (Type): N/A

Số (Serial N^o): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Tốc độ quay: 3000 (vòng/phút)

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia

Địa điểm thực hiện (The Place): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đồng hồ bấm giây

Kết quả (Results):

Xem kết quả trang sau

(See the measurement results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC 09 tháng 4 năm 2025

Số chứng thực..... quyển..... Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Ngày: 18-12-2025

Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép, rồi các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing results)

Tốc độ quay: 2996 (vòng/phút)

Nhiệt độ (*Temperature*): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người thực hiện



Nguyễn Đức Lương



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Measurement & Testing Certificate)

Số (№): 25H 0272/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Áp kế (Máy hút chân không)

Kiểu (Type): STMD-3 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 22313

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Đồng hồ áp -76 ÷ 0 kg/cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 76:2001 Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Chuẩn được sử dụng (Standards used): Phạm vi đo: (0÷700) bar Độ chính xác: ±0.05%FS, độ phân giải chỉ thị 0.01 bar, Được liên kết chuẩn với Tổng cục TCĐLCL

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration date): 22/04/2026

Ngày: 28-04-2025 Hà Nội, Ngày 22 tháng 04 năm 2025 (Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical) TM GIÁM ĐỐC (On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng



Bùi Bình Minh

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Testing Results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No) : 25ĐT 0272/MB.CN

Giá trị đồng hồ (kg/cm ²)	Áp kế chuẩn (kg/cm ²)
-76.0	-69.3
-50.0	-49.2
-40.0	-39.4
-30.0	-29.2
-20.0	-20.3
-10.0	-10.5
0	0

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:
ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 1632 /APK/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ LÒ XO

Object:

Kiểu:

Lò xo ống

Số/Mã nhận dạng: HC71581628554

Type:

Serial no/ID:

Nơi sản xuất:

HongQi

Năm:

Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

- Phạm vi đo:

(0 ÷ 1) MPa

Specifications:

Measuring range:

- Giá trị vạch chia:

0,002 MPa

Division:

- Độ chính xác:

2,5 %FS

Accuracy:

Nơi sử dụng:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định

Method of verification:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

Ngày 15/12/2025

Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*)

Valid until:

31-12-2026 HỮNG VIÊN

Kiểm định viên

Verifier by

Lâm Quốc Dương



Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

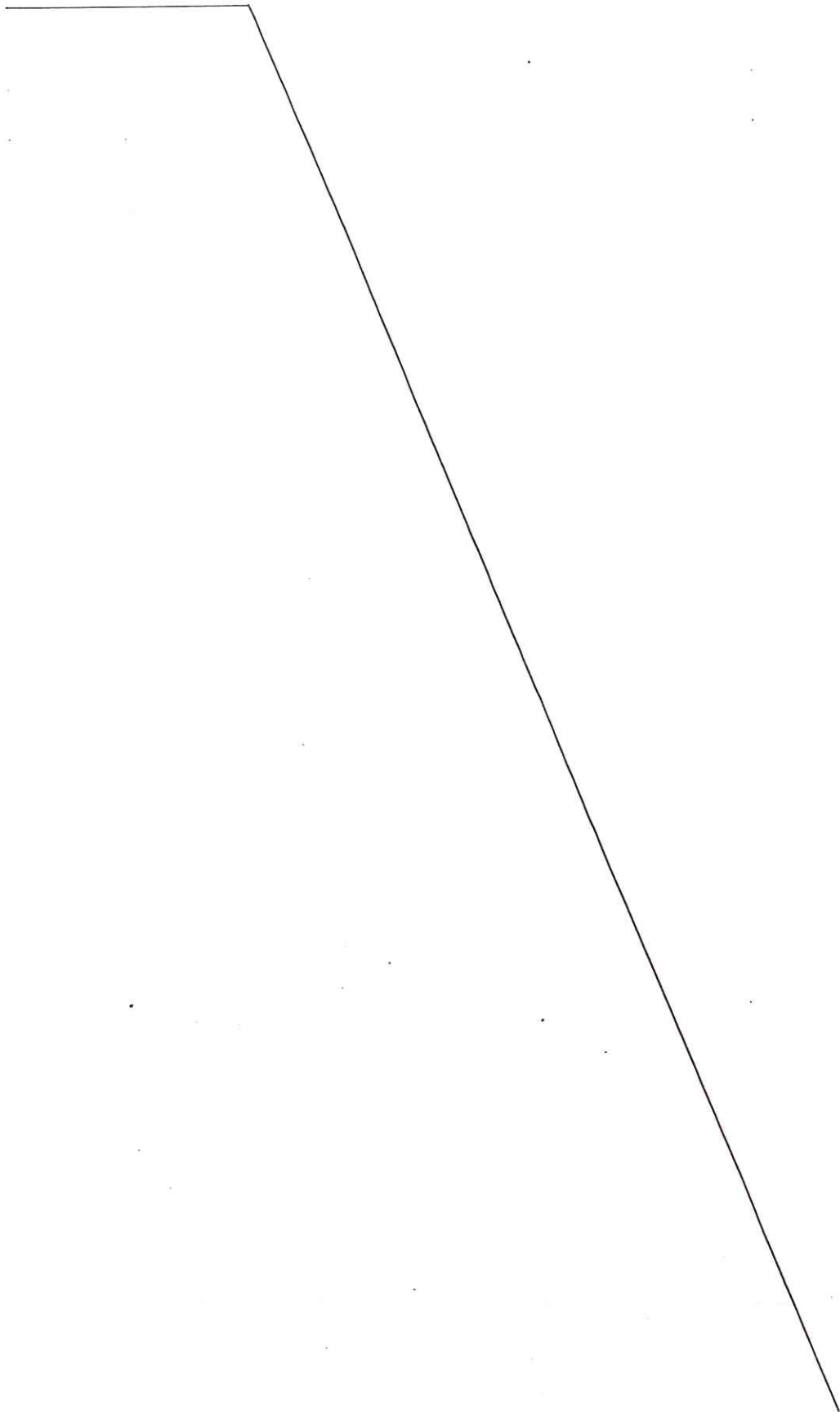


Bùi Bình

Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665

Email: doluongcanho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 1635 /APK/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ LÒ XO

Object:

Kiểu:

Lò xo ống

Số/Mã nhận dạng: 12451A

Type:

Serial no/ID:

Nơi sản xuất:

Không rõ

Năm:

Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

- Phạm vi đo:

(0 ÷ 0,1) MPa

Specifications:

Measuring range:

- Giá trị vạch chia:

0,002 MPa

Division:

- Độ chính xác:

2,5 %FS

Accuracy:

Nơi sử dụng:

Place:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Người/Đơn vị sử dụng:

User:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định

Method of verification:

Kết luận:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số chứng thực: 291/2025 quyền SCT/BS

Số tem kiểm định:

Ngày: 65A 12541
18-12-2025

Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*)

31/12/2026 VIÊN

Valid until:



Kiểm định viên

Verifier

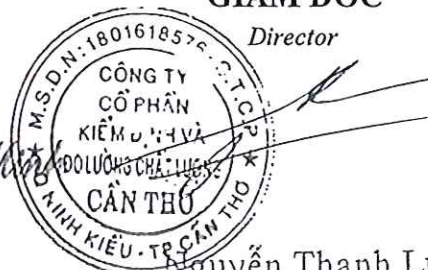
Lâm Quốc Dương

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director



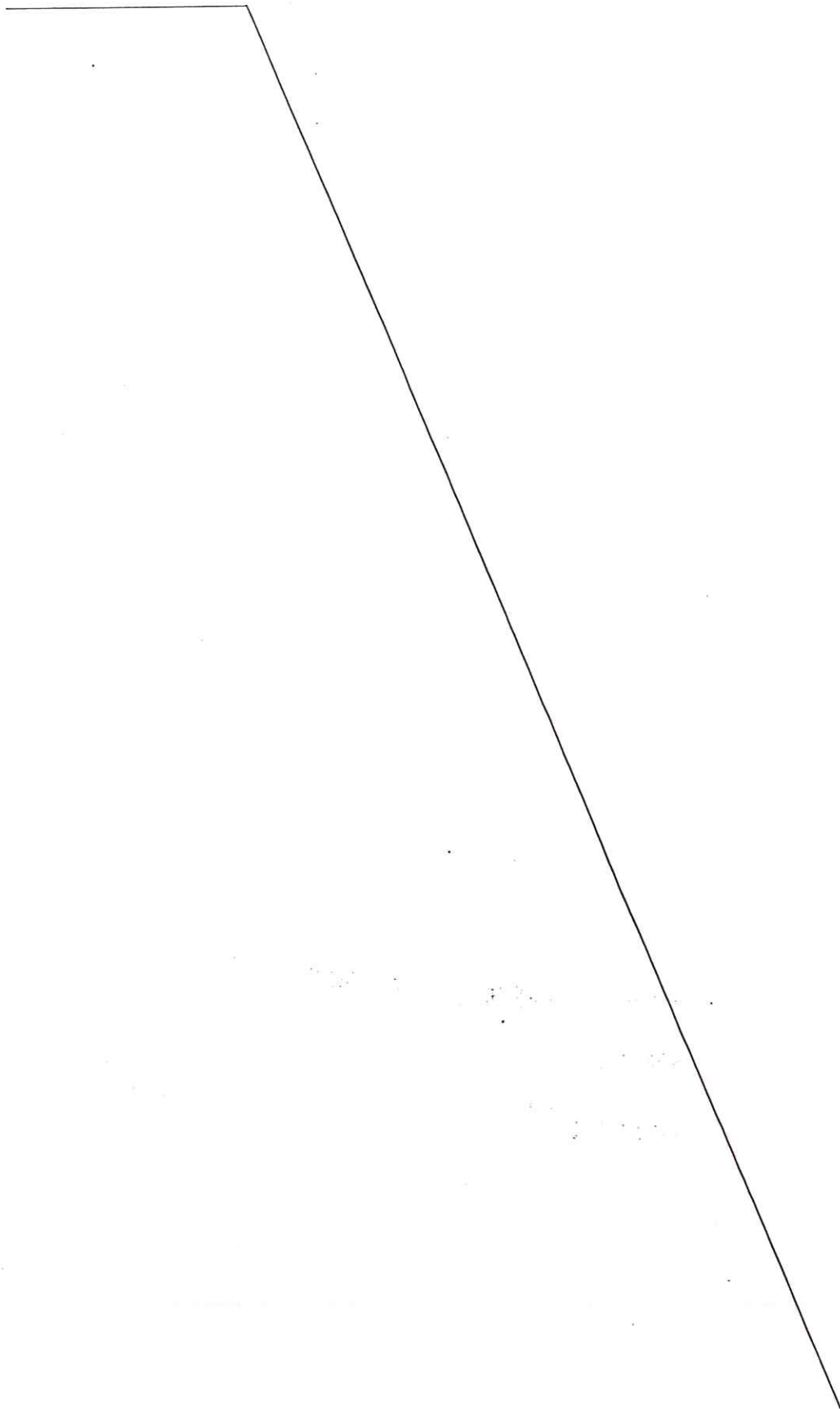
Bùi Bình Minh

Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.2573.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ hần lún vệt bánh xe**

Kiểu (Type): **LHCZ-8** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **251013**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **22 TCN 332:06; ASTM D1883; AASHTO T99**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 14**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03-05**

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

CHUNG THỰC BẮN SAO TRUNG VỚI BẢN CHỨNG
(The Standard devices are traceable to National standards)
Số chứng thực: 20200002 Quyển số: SC17BS

Kết quả (Results):

Ngày: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration): **CÔNG CHỨNG VIỆN 02 - 12 - 26**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



Bùi Bình Minh

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Loan

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2573.25

TT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Description	Giá trị danh nghĩa/ Nominal values	Giá trị đo được/ Measured values
01	Phạm vi phát hiện dịch chuyên: 0 ~ 25 mm	10 mm	10,002 mm
02	Phạm vi kiểm soát nhiệt độ: 30 ~ 80 °C	50 °C	50,3 °C
03	Tốc độ mài: 42-50-53 lần/ phút	42 lần/phút	42,5 lần/phút
		50 lần/phút	50,5 lần/phút
		53 lần/phút	54 lần/phút

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): **IMC.2574.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy đầm lún tạo mẫu bê tông nhựa (Mẫu để thí nghiệm hần lún bánh xe)**

Kiểu (Type): **LCCZ-2** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **1066**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): **(0 ÷ 750) N**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108:2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,14.10⁻²

Được hiệu chuẩn theo hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): Ngày: **18-12-2025** Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **02 - 12 - 26**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Lưu Đình Loan

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kiểm tra giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2574.25

STT	Chỉ thị trên máy (Indicated on) (N)	Lực đo được (Measured force) (N)
1	0	0,00
2	80	80,60
3	160	161,20
4	240	241,20
5	320	321,50
6	400	401,00
7	460	461,25
8	520	521,87
9	580	581,64
10	640	642,12
11	700	702,31
12	750	752,42

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Duong - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Measurement & Testing Certificate)

Số (No): 25ĐT 0270/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thí nghiệm phản quang sơn vạch kẻ đường

Kiểu (Type): BT-RM - 001 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 202403004

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7887:2018

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-09.20 Thiết bị đo phản xạ - Phương pháp đo

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường Thiết bị Phù hợp kiểm tra phản quang sơn vạch kẻ đường theo TCVN 7887:2018

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): (24 ± 2)°C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 22 - 04 - 2026

CHUNG THỰC BẢO ĐẢM VỚI ĐÀN QUẢN LÝ HÀ NỘI, Ngày 22 tháng 04 năm 2025 Số chứng thực: 64.23 quyền số 01 SCT/BS (Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical): Ngày: 28-04-2025

TM GIÁM ĐỐC (On behalf of Director)

CÔNG CHỨNG VIỆN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU



Hoàng Tiên Dũng

Bùi Bình Minh



PGĐ: Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (BK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Measurement & Testing Certificate)

Số (No): 23ĐT 0265/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy đo độ phát sáng

Kiểu (Type): MN-R Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 411810

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8791:2018

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo thử trực tiếp trên tấm chuẩn

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường. Phù hợp kiểm độ phát sáng theo TCVN 8791:2018

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): (24 ± 2)°C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 22 - 04 - 2026

CHUNG THỰC BAN KIỂM ĐỊNH VÀ BAN CHỌN Ngày 22 tháng 04 năm 2025 Số chứng thực 6422 quyền số SCT/BS

Trưởng phòng kỹ thuật Ngày: 28-04-2025

(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)

CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU

Handwritten signature of Hoàng Tiên Dũng



Hoàng Tiên Dũng



Bùi Bình Minh PGĐ: Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Duong - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (№): 25H 2432/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử cường độ bám dính

Kiểu (Type): JW-FZL-M Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 250231

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 80) MPa; d = 0.01 MPa

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 76:2001
Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.01 – Đầu đo lực
MB.TB2.05 - Dụng cụ chuẩn kiểu áp suất hiện số

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended calibration date): 22-04-2026

Số chứng thực 6428 quyền số 01 Hà Nội, Ngày 22 tháng 04 năm 2025
(Date of issue)

Ngày: 28-04-2025
Trưởng phòng kỹ thuật

(Head of technical department) NGÔ THỊ HỒNG THU (On behalf of Director)



Hoàng Tiến Dũng

Bùi Bình Minh



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)



chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 25H 2432/MB.CN

	Giá trị chỉ thị trên máy (MPa)	Lực đo được (MPa)
1	0.000	0.000
2	10.000	10.004
3	15.000	15.012
4	20.000	20.025
5	30.000	30.986
6	40.000	40.142
7	50.000	50.989
8	60.000	60.212
9	70.000	70.998
10	75.000	75.415

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0$ %, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0$ %, $k = 2$. $P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK.420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing Certificate)

Số (№): 25ĐT 0271 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Con lắc Anh thí nghiệm độ chống trượt

Kiểu (Type): BM-III

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 20250121

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10271:2014

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address):

195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

MB.M-09.15
Con lắc Anh chuẩn – Phương pháp đo

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường

Phù hợp kiểm tra sức kháng trượt của mặt đường theo TCVN 10271:2014

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

22 - 04 - 2026

CHUNG THỰC SỬ DỤNG VỚI BẢN CHỨNG
Số chứng nhận..... quyền số..... SCT/BS

Hà Nội, Ngày 22 tháng 04 năm 2025

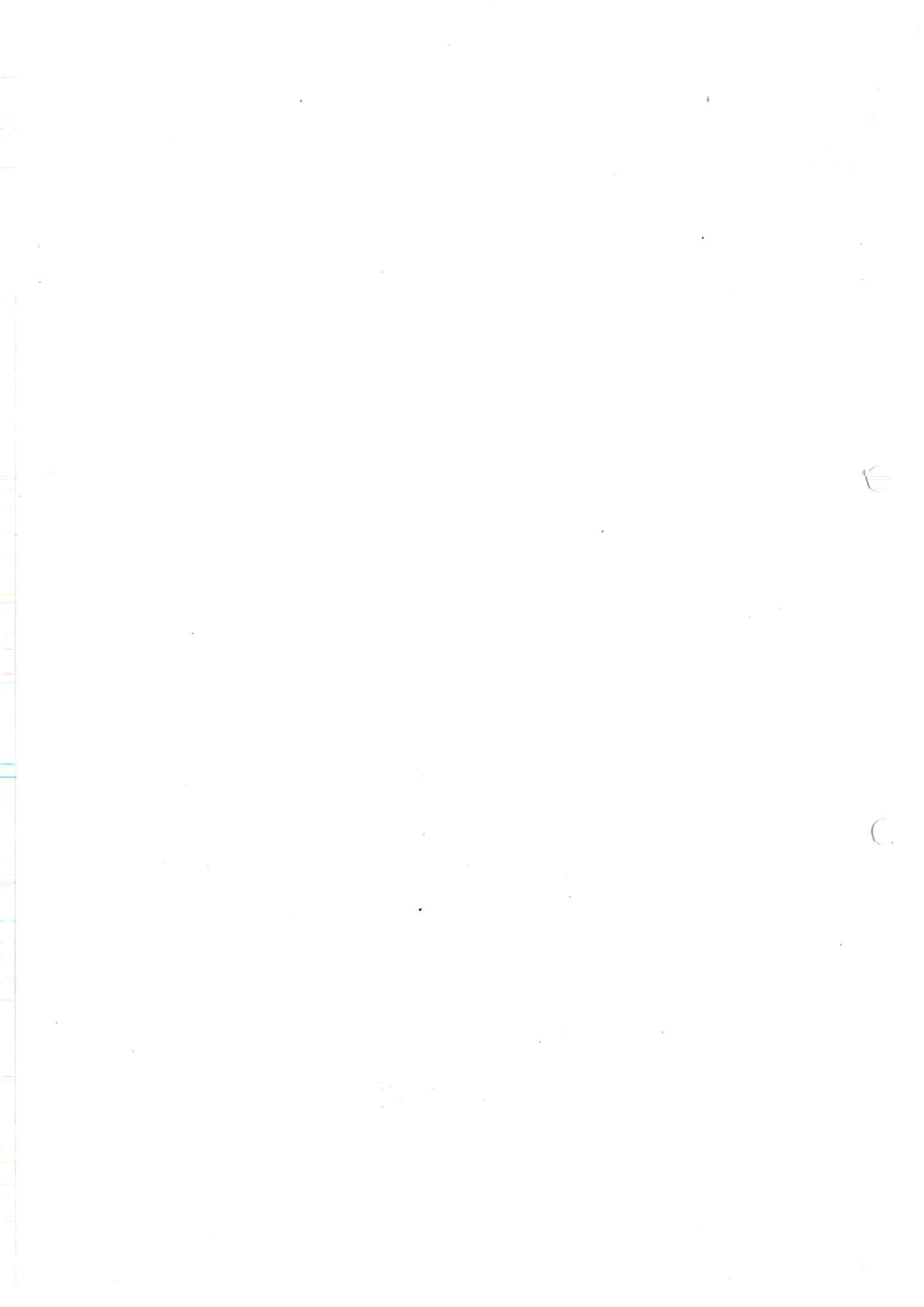
Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical)
Ngày: 28-04-2025
CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU

(Date of issue)
TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng

Bùi Bình Minh

PGĐ: Cao Văn Hùng





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.2572.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị thử hóa mềm nhựa đường**

Kiểu (Type) : **SYD-2806** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2025109**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max 125 °C**
Độ phân giải (Resolution): **0,1 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8421-50/HIOKI;

Độ không đảm bảo U = 0,2 °C

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

Ngày 18-12-2025 (The results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **02 - 12 - 26**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)
Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)
Trần Đình Loan

GIÁM ĐỐC

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.2572.25

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
70	70,5	0,5	2,0
100	101,2	1,2	
120	121,1	1,1	

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.2571.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Bộ thí nghiệm bốc cháy nhựa**

Kiểu (Type): **SYD-3536**

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №):

1106

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Max 400 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8421-50/HIOKI;
Độ không đảm bảo đo U = 0,2 °C**

Kết quả (Results):

CHỨNG THỰC HẠN SẠC DỤNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực Xem kết quả chi tiết ở trang sau
(See the results of the calibration on the next page)
Ngày: **18-12-2025**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended Recalibration): **02-12-26**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2571.25

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C	Số hiệu chỉnh, °C
81	81,7	0,7
125	126,1	1,1
200	201,5	1,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0	

IMC



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ZONE 3



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20852

Tên phương tiện đo (Object): THIẾT BỊ ĐO ĐỘ GIẢN DÀI NHỰA ĐƯỜNG
ASPHALT DUCTILITY TEST APPARATUS

Kiểu : SY-1.5 Số hiệu : 201209 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range): (0 ÷ 1500) mm

Technical Specification -Vạch chia (Division): 1 mm

Khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA
Customer 43/1B Đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG
Calibration Place Dự án Xây dựng Đường cao tốc TP. HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : Đo trực tiếp/ Direct comparison

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn sử dụng (Standards):
Standards Used Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
Thước chuẩn 1m / Steel rule

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C
Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Sai số / Error : +1 mm

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label): Số chứng thực / Certificate No: 201209 02 SCT/BS KV3 - 20852

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 18 -12- 2025 16/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 16/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 17 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory



GIÁM ĐỐC

Director



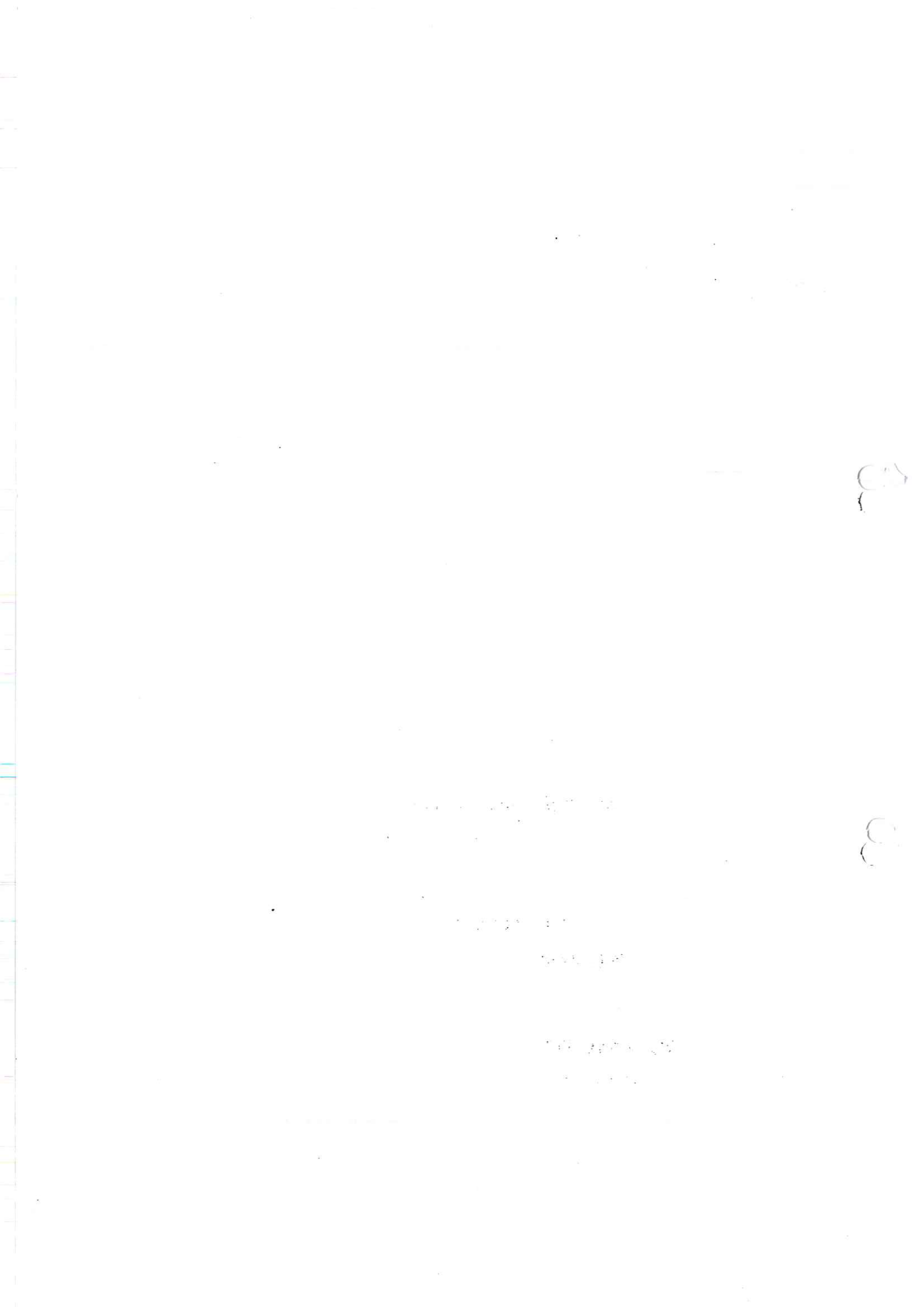
KS.Đặng Quốc Dũng

Bùi Bình

Hồ Thị Hiền

Trang / Page Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

ISO/IEC 17025:2017





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 64.4.37544196 - Fax: 64.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 16.029.25

Tên phương tiện đo (Object): Nhiệt kế chỉ thị hiện số của thiết bị đo kim lún nhựa

Kiểu (Type): IV-2000

Số (Serial N^o): 19163

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications):

Phạm vi đo: (10 ÷ 100)°C, độ phân giải bộ chỉ thị: 0,1°C

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia

Địa chỉ (Address): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 138 : 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383 (9)

- Độ không chắc chắn (Uncertainty): U = 0,1 °C

- Liên kết chuẩn (Traceability): Nguyên Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results): Ngày: 18 -12- 2025

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

CÔNG CHỨNG VIÊN (See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định



Bùi Bình Minh

Chu Công Cẩn

Hoàng Anh Giang

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của nhiệt kế (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chính (°C)
50	50,4	50,07	-0,33
60	60,5	60,07	-0,43
70	70,7	70,08	-0,62

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(22 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,6^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



MITEST



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LG1225/05

1. Phương tiện đo (Object):

**PHƯƠNG TIỆN ĐO KHỐI LƯỢNG RIÊNG
(TỶ TRỌNG KẾ THUỶ TINH)**

2. Nơi sản xuất (Manufacturer):

TRUNG QUỐC

3. Kiểu (Type):

N/A

Số (Serial No.):

2879

ID: N/A

4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	(1,000 ÷ 1,100) g/cm ³	Độ phân giải (Division):	0,001 g/cm ³
--------------------------------	-----------------------------------	-----------------------------	-------------------------

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**

(Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu phố 2, thành phố Hồ Chí Minh**)

6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Lab MITEST**

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-097**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-KLR-01	Tỷ trọng kế/ Density meter	TECHMASTER	03/2026
MT-BDN-01	Bể điều nhiệt/ Temperature Calibration Bath	MITEST	08/2026
MT-TD-01	Nhiệt kế/ Thermometer	SMEQ	02/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (20 ± 3) °C (60 ± 20) %RH

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 10/12/2025

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 10/12/2026

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LG1225/05**

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau (See results next page)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH, Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Số chứng thực: 00328002 SGT/BS (Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

KT. GIÁM ĐỐC

Ngày: 18-12-2025

(PP. Director)

Vies

CÔNG CHỨNG VIỆT NAM

TRẦN VĂN VIỆT



Đỗ Quang Trọng

MITEST-097-02 (BH 01; 15/05/2025)

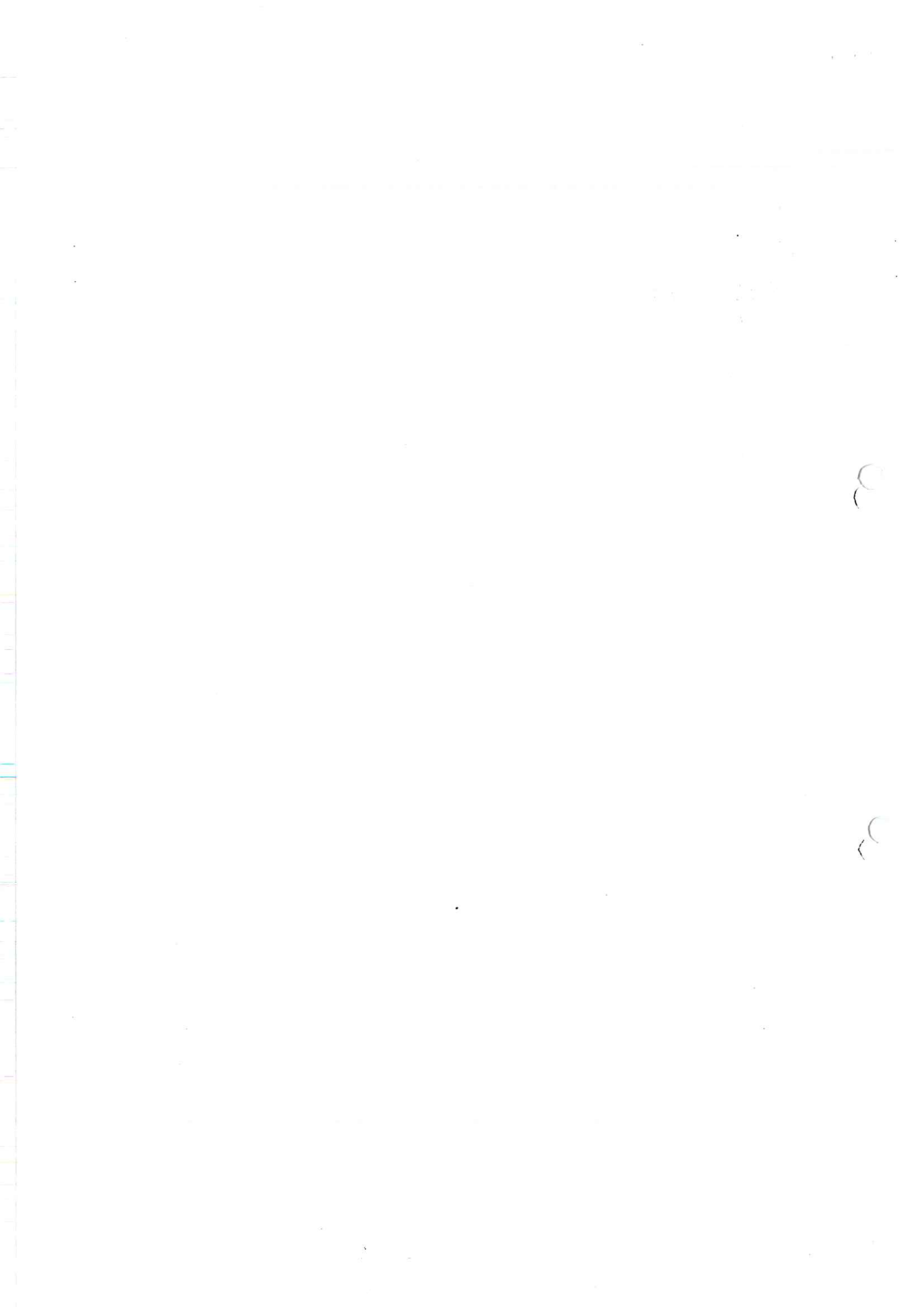
1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LG1225/05

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị chuẩn/ Reference value (g/cm ³)	Giá trị chỉ thị/ Indication value (g/cm ³)	Số hiệu chỉnh/ Correction (g/cm ³)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (g/cm ³)
1,0282	1,029	-0,001	0,00096
1,0502	1,051	0,000	
1,0804	1,081	0,000	

Lưu chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017 / The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng / Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác / This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities .
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 / This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8 / Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.2569.25**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị xác định độ nhớt của nhựa đường**

Kiểu (Type) : **SYD 265D-1** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **1128**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 150 °C**

Độ phân giải (Resolution): 0,1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8421-50/HIOKI;

Độ không đảm bảo đo U₉₅ = 0,2 °C

Số chứng thực: **206** / **02-SCT/BS**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

Ngày: **08** (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended) **02 - 12 - 26**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

[Signature]

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

[Signature]

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

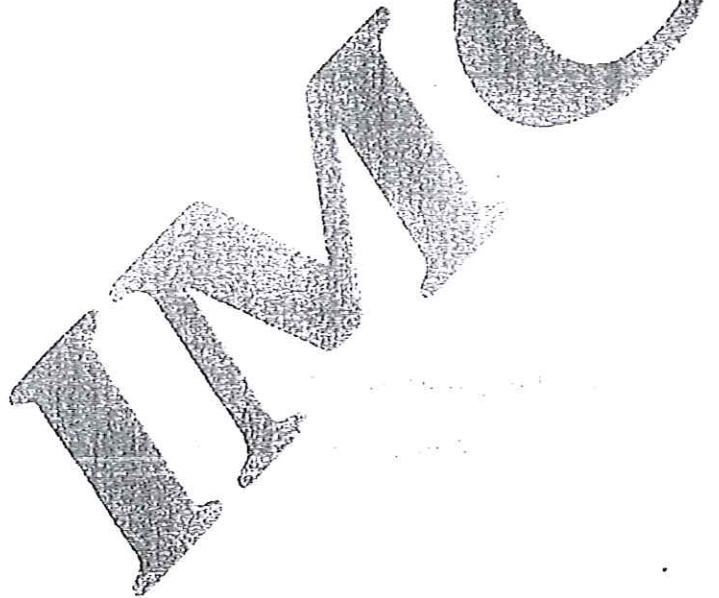
Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2569.25

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C
50	50,2
80	80,5
110	110,4
140	140,8
Độ KĐBD (P=95% CL, k=2) °C	2,0





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8004.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Bộ xác định độ hòa tan Trycloethylen**

Kiểu (Type): **N/A**

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №):

8004.25

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Theo tiêu chuẩn TCVN 7500:2005**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo, kiểm tra trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Thước cặp điện tử**

Kết quả (Results): **Đường kính ngoài của ống nối bằng thép**

Số chứng thực: **2920702** quyền số: **02** SCT/BS

Điều kiện môi trường:

Ngày: **Nhiệt độ 2(20,25) °C** - Độ ẩm: **(55 ± 10) %RH**

Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo: **02-12-26**
(Retesting recommended) **CÔNG CHỨNG VIỆN**



Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

(Director)

Bùi Bình Minh



GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

[The main body of the page is crossed out with a large diagonal line, indicating that the calibration results are not visible or have been redacted.]



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20860

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY ĐO ĐỘ NHỚT SAYBOLT FUROL CỦA NHỰA**

Kiểu : SYD-0623	Số hiệu : 22311	Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range): (0÷240) °C

Technical Specification -Vạch chia (Division): 0,1 °C

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**
 Customer 43/1B Đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
 Calibration Place Dự án Xây dựng Đường cao tốc TP. HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **KV3/QTHC- NĐ01 : 2019**

Bê điều nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -KV3.NĐ01- Chuẩn Nhiệt độ / Temperature standards

Standards Used -Hiệu lực (Due date): 18/10/2025

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

Điều kiện môi trường : Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 2) °C

Environmental conditions Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 10) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label): Ngày: 18-12-2025 KV3 - 20860

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): CÔNG CHỨNG VIÊN 16/06/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration): 16/06/2026

TP.HCM, Ngày 17 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director

[Signature]

Hồ Thị Hiền





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

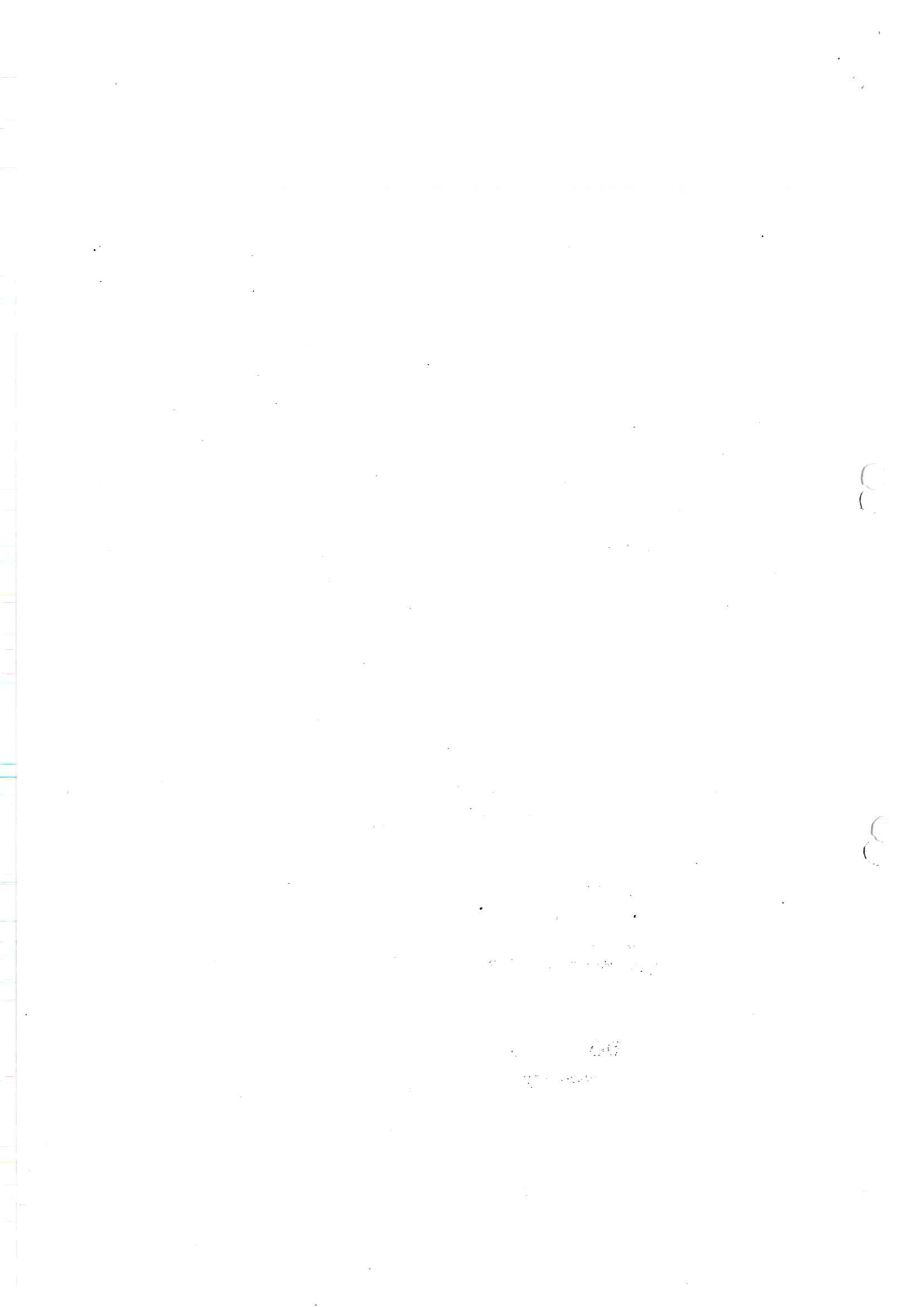
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20860
(Attached to certificate No)

Giá trị cài đặt/ Set Value (°C)	Giá trị chỉ thị/ Reading on tester (°C)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (°C)	Số hiệu chỉnh/ Correction (°C)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty $k = 2; P = 95\%$ (°C)
100	100	99,8	-0,2	0,64
150	150	149,2	-0,8	0,64

Ghi chú/Notes :

- **Giá trị nhiệt độ được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The temperature value is calibrated as the customer's requirement.
- **Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.**
The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cỡ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.







**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.2570.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị tạo dòng- Máy kiểm tra điện tích hạt của nhũ tương nhựa đường**
Kiểu (Type): **SYD 0653** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **8542**
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Theo TCVN 8817 -5**
Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **IMC.HI-1.0**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đồng hồ vạn năng hiện số Agilent 34401A**
Chuẩn được liên kết tới chuẩn quốc gia

Kết quả (Results): **CHUNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BÀN CHỈNH**
Số chứng thực: **0206/02** Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **02 - 12 - 26**

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)



Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Duy



Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.2570.25

Giá trị dòng tạo (mA)	Giá trị chuẩn đo được (mA)	Độ KĐB đo, %
30	30,153	0,03
30	30,161	0,03
30	30,158	0,03

Độ không đảm bảo đo được ước lượng với mức tin cậy 95% tương ứng hệ số phủ $k = 2$

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.8005.25

Tên phương tiện đo (Object): Bộ chung cất nhũ tương nhựa đường

Kiểu (Type): TA-20 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 8005.25

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phù hợp TCVN 8817-9:2011

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-07

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh

Độ không đảm bảo đo $U = 0,2 \text{ }^\circ\text{C}$

Kết quả (Results) Số chứng thực 2926/ Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày: 18-12-2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 02-12-26

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)



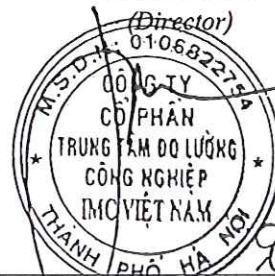
Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of Calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kính theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.8005.25

STT (No)	Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C
1	50	50,21
2	60	60,25
3	70	70,54
4	80	80,62
5	90	90,71
6	100	101,13
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C		2,0

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717



ISO 9001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN
SAFETY INSPECTION & TRAINING JOIN STOCK COMPANY
ĐC: 14/24 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
VP: 362 (315 cũ) Phạm Hữu Lầu, xã Phước Kiên, H. Nhà Bè, Tp.HCM
Email: sit_jsc@kiemdinhhlav.vn Website: kiemdinhhlav.vn
ĐT: 028. 3893 9887 DD: 0903 710 352



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): 00331/KĐ.HLAT

TÊN PHƯƠNG TIỆN ĐO (Object): TỶ TRỌNG KẾ
MÃ HIỆU (Model): N/A
SỐ CHẾ TẠO (Serial No): 2879
HÃNG SẢN XUẤT (Manufacturer): TRUNG QUỐC
XUẤT XỨ (Origin): TRUNG QUỐC
NĂM SẢN XUẤT (Year): 2025
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT (Specifications):

- Thang đo (Scale): 1.000 đến 1.100
- Độ đọc (Divisions): 0.001 g/cm³

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (Client): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ trụ sở chính (Place): Số 195/8 đường 30/04, khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ PTN (Place): Số 195/8 đường 30/04, khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh.

PHƯƠNG PHÁP KIỂM ĐỊNH (Method of Calibration): ĐLVN 106:2002

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG (Environmental Conditions):

- + Nhiệt độ : (20 ± 2)⁰C
- + Độ ẩm tương đối : (40 ~ 70)%RH

KẾT QUẢ (Results) : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

TEM KIỂM ĐỊNH SỐ (Verification stamp N^o): 09491

NGÀY KIỂM ĐỊNH (Date of verification): 10/12/2025

CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN (Valid until): 10/12/2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Tp.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2025

KIỂM ĐỊNH VIÊN Số chứng thư 30345

C.T. (Inspector) Định & H.L.A. Ngày: 30-12-2025

KIỂM ĐỊNH VIÊN CÔNG CHỨNG VIÊN

Số: 04-31/KĐV



Hoàng Thanh Tịnh



Đài Bình Minh



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 25H 9402/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén tam liên
Kiểu (Type): WG – 1G Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 0228
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo:
Cung lực (0 ÷ 2400) kN; Tỷ lệ chuyển lực: 1/10.
Cung lực (0 ÷ 2000) kN; Tỷ lệ chuyển lực: 1/12.
Tiết diện dao, vòng: 50Cm² và 30Cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 10.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Máy cắt phẳng- Quy trình hiệu chuẩn
MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): **CHỨNG THỰC RÀN SAO DÙNG VỚI BẢN CHỨNG** Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
Số chứng thực: 202610228 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 02 – 12 – 2026

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hà Nội, Ngày 02 tháng 12 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



Bùi Bình Minh

Hoàng Tiến Dũng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No) : 25H 9402/MB.CN

Cấp tải (Kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn, N		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện dao vòng: 50 cm ² ; Tỷ lệ chuyển lực: 1/10				
0	0	0	0	0
12.5	37.5	37.32	38.11	38.15
25	75	74.48	76.05	76.09
50	150	149.40	150.29	149.34
100	300	299.07	303.75	300.94
200	600	599.80	606.25	602.55
300	900	900.36	901.55	902.20
400	1200	1203.46	1203.97	1200.40
800	2400	2399.41	2401.34	2402.66
Tiết diện dao vòng: 30 cm ² ; Tỷ lệ chuyển lực: 1/12				
0	0	0	0	0
12.5	62.5	62.31	62.37	64.23
25	125	124.69	126.68	127.07
50	250	250.33	253.98	255.35
100	500	502.68	503.47	502.66
200	1000	1011.40	1009.58	1012.43
400	2000	2001.98	2003.11	2006.10

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 0.8 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 0.8 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): 25H 9403 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy cắt phẳng

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): B9234

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 1.2) Kn;
Đồng hồ dải đo: 0 ÷ 10 mm/0.01mm;

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐL VN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)

Được liên kết chuẩn với VMI

CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Kết quả (Results): Số chứng thực 29260022 Kết quả hiệu chuẩn trang sau

Ngày: 18/12/2025 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 02 - 12 - 2026

Hà Nội, Ngày 02 tháng 12 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng Kỹ thuật
(Head of Technical Department)

Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng

Bùi Bình Minh

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)



Kính gửi giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 25H 9403/MB.CN

TT	Số chỉ trên đồng hồ (x 0,01mm)	Lực đo (kN)
1	0	0
2	25	0.136
3	50	0.276
4	75	0.41
5	100	0.548
6	125	0.681
7	150	0.816
8	175	0.945
9	200	1.077

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = -0.0000009x^2 + 0.0056x - 0.0011$$

Với y: Lực nén (kN)

x: Số (vạch = 0.01mm) chỉ trên đồng hồ

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Address): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (No): 25H 9401 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Kích 30 Tấn

Kiểu (Type): Thủy lực Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): -

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 300) kN
Đồng hồ áp: (0 ÷ 60) MPa
SN đồng hồ: 23116260523

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2; P \approx 95\%$) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 02 - 12 - 2026

Hà Nội, Ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật

TM GIÁM ĐỐC

(Head of technical department) (On behalf of Director)

Số chứng thư: 292111 số 02 SCT/BS

Ngày: 18-12-2025

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hoàng Tiến Dũng



PGD: Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No) : 25H 9401/MB.CN

STT	Giá trị trên phương tiện đo (MPa)	Giá trị chuẩn (kN)
1.	0	0
2.	5	27
3.	10	50.1
4.	15	69.8
5.	20	90.3
6.	25	113.5
7.	30	138.6
8.	35	159.8
9.	40	177.9
10.	45	201.6
11.	50	223.5
12.	55	246.7
13.	60	269.9

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0.00001x^2 + 0.2232x - 0.6085$$

Trong đó: y : lực đo được (kN)

x: Chỉ thị trên đồng hồ áp (Mpa)

Thiết bị được đo tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CÁN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CÁN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665

Email : doluongcanho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 1633 /APK/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ LÒ XO

Object:

Kiểu:

Lò xo ống

Số/Mã nhận dạng: 23116260523

Serial no/ID:

Type:

Nơi sản xuất:

China

Năm:

Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

- Phạm vi đo:

(0 ÷ 60) MPa

Specifications:

Measuring range:

- Giá trị vạch chia:

1 MPa

Division:

- Độ chính xác:

2,5 %FS

Accuracy:

Nơi sử dụng:

Place:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Người/Đơn vị sử dụng:

User:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định

Method of verification:

Kết luận:

Conclusion:

Số tem kiểm định:

Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*)

Valid until:

CHÚNG TÁC GIẢ KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG VÀ BÀN CHỈNH

Số chứng thực: 2017402 SGT/BS

65A 42884

Ngày: 18-12-2025

31-12-2026

CÔNG CHỨNG VIÊN

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Kiểm định viên

Verifier by

Lâm Quốc Dương



Bùi Bình Minh

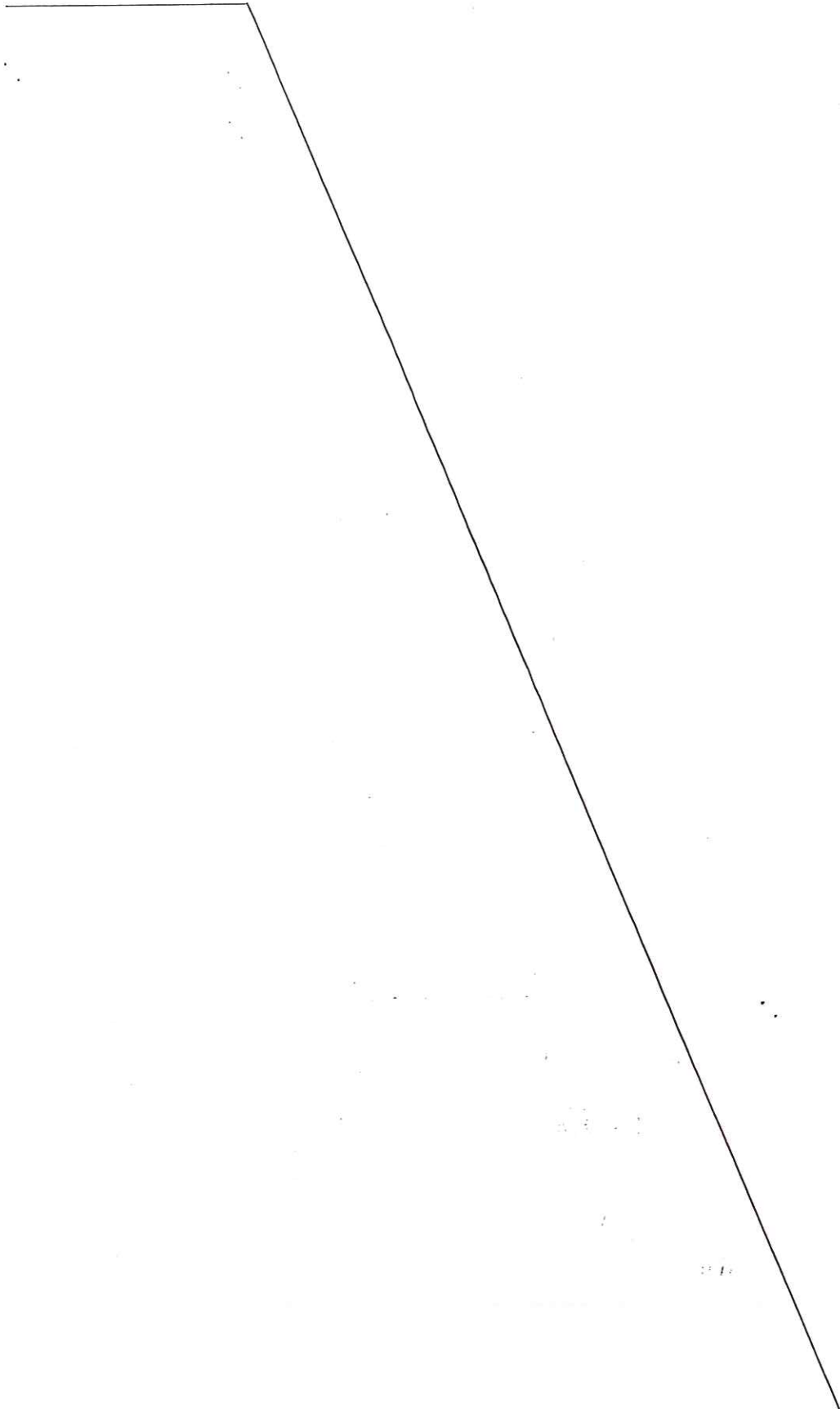


Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS





MITEST

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LG1225/02

- Phương tiện đo (Object): **CĂN LÁ (THƯỚC CĂN LÁ)**
- Nơi sản xuất (Manufacturer): **SATA**
- Kiểu (Type): **09405** Số (Serial No.): **N/A** ID: **N/A**
- Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):
Thang đo (Measuring range): **(0,02 ÷ 1,00) mm** Số lượng (Quantities): **23 Lá**
- Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**
Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu phố 2, thành phố Hồ Chí Minh**
Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Lab MITEST**
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-024**
- Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-DM-01	Thước Vặn Đo Ngoài/ Outside Micrometer	MITEST	08/2026

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(20 ± 2) °C** **(50 ± 10) %RH**
- Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **05/12/2025**
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **05/12/2026**
- Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LG1225/02**
- Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN
(Head of Calibration Laboratory)



Trần Văn Việt

TRẦN VĂN VIỆT

Bùi Bình Minh



PGĐ. Đỗ Quang Trang

MITEST-024-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/3



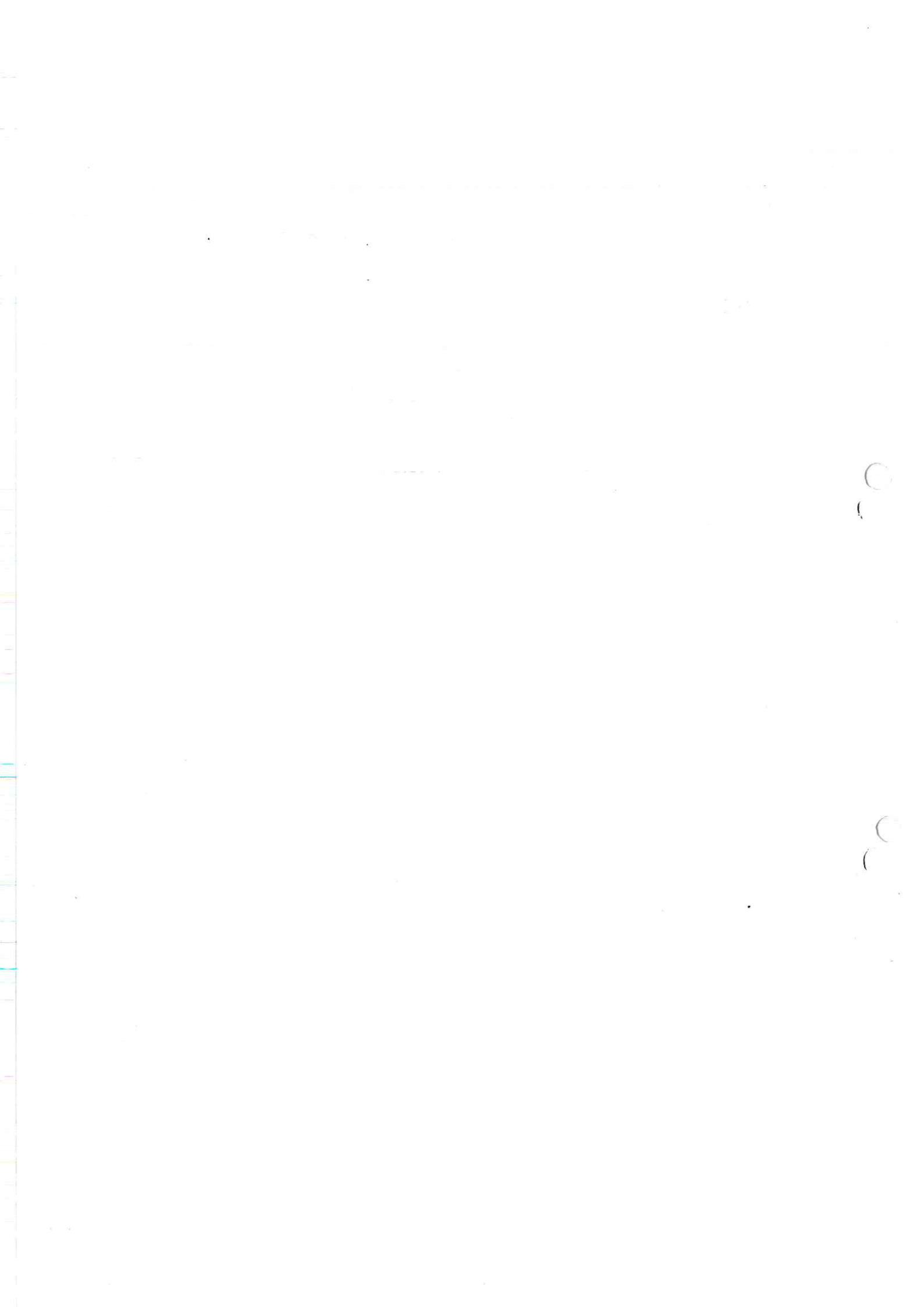


KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LG1225/02

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

Giá trị phương tiện đo/ Measuring instrument value (mm)	Giá trị chuẩn/ Reference value (mm)	Sai số/ Error (mm)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (mm)
0,02	0,0218	-0,002	0,0026
0,03	0,0305	0,000	0,0013
0,04	0,0418	-0,002	0,0026
0,05	0,0510	-0,001	0,0014
0,10	0,1009	-0,001	0,0014
0,15	0,1504	0,000	0,0014
0,20	0,2010	-0,001	0,0015
0,25	0,2511	-0,001	0,0014
0,30	0,3017	-0,002	0,0021
0,35	0,3510	-0,001	0,0021
0,40	0,4011	-0,001	0,0014
0,45	0,4509	-0,001	0,0021
0,50	0,5010	-0,001	0,0021
0,55	0,5510	-0,001	0,0020
0,60	0,6017	-0,002	0,0027
0,65	0,6507	-0,001	0,0020
0,70	0,7008	-0,001	0,0021
0,75	0,7501	0,000	0,0014
0,80	0,8004	0,000	0,0015
0,85	0,8510	-0,001	0,0020
0,90	0,8996	0,000	0,0014
0,95	0,9497	0,000	0,0014
1,00	1,0007	-0,001	0,0020





Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0358 33 01 60

Email: sale@mitest.vn

Website: mitest.vn

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LG1225/02

Ghi chú/Notes:

- a. Kết quả đo không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95% / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- b. Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017 / The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng / Recommended calibration date according to customer requirements.
- d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác / This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 / This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8 / Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin
Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20098

Tên phương tiện đo (Object):

THIẾT BỊ THỬ CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG
BẰNG PHƯƠNG PHÁP BẬT NẤY

Kiểu : N-34

Số hiệu :

157475

Nơi sản xuất : Proceq - Thụy Sĩ

Type

Serial No

Manufacturer

Switzerland

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Phạm vi đo (range) : (10 ÷ 100) R

Technical Specification - Giá trị vạch chia (Division) : 2 R

Khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Customer

43/1B Đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

195/8 đường 30/4, KP.2, Phường Phú Thọ, TP. TDM, Tỉnh Bình Dương

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nẩy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : - Đe hiệu chuẩn trị số bật nẩy 80 R

Standards Used by using calibration anvil 80 R

Điều kiện môi trường : - Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23± 2) °C

Environmental conditions

Kết quả	R ₁	R ₂	R ₃	R ₄	R ₅	RTB	Sai số tuyệt đối (Δ)
Results	80	81	78	80	80	80	0

Độ không đảm bảo đo (Expand Uncertainty) : U = 0,77

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20098

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 23/03/2025

23/03/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng (Recalibration Date as Request of Customer) : 23/03/2026

23/03/2026

Ngày: 18-12-2025

TP.HCM, Ngày 25 tháng 03 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

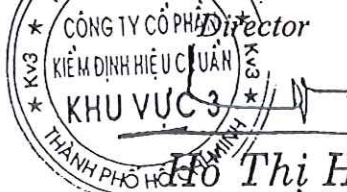
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

CÔNG CHỨNG VIÊN



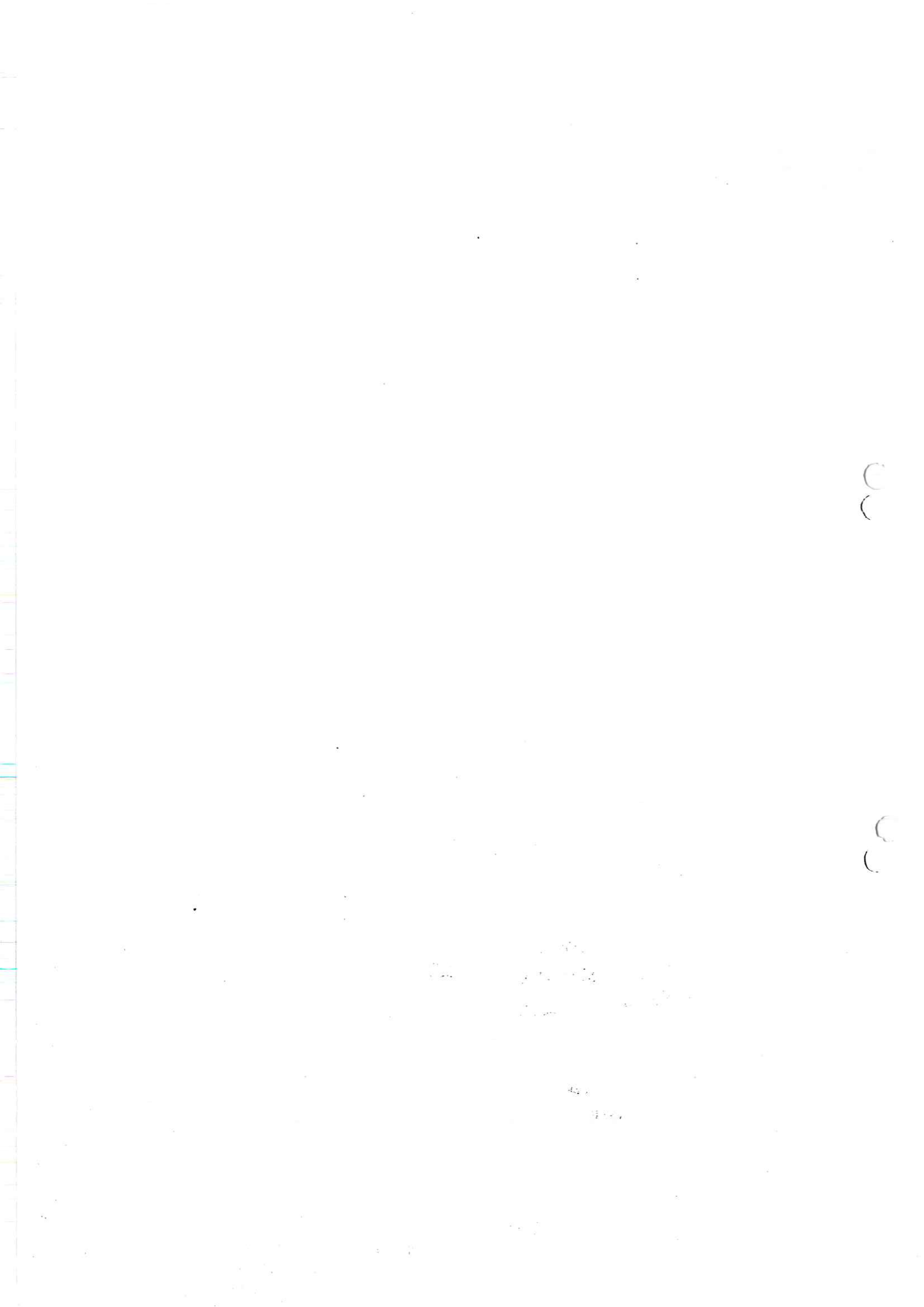
GIAM ĐỐC



Thị Hiền

Trang/Page
1 / 1

Không được sao chép lại khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).





CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): **IMC.8002.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Nêm thước**

Kiểu (Type): **JSC - 3** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **NY-01**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo(Range): **(1 ~ 15) mm**

Giá trị độ chia (div): **d = 0,5 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-03**

Thước vạch - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Thước vạch chuẩn**

Độ không đảm bảo đo, $U = (0,6 + 1,50L) \mu m$; [L] : m ; (k = 2 ; p = 95%)

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The SI standards used are traceable to the national standards)

Kết quả (Results): **Số chứng thực: 29198/02** Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **02 - 12 - 26**

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)



Bùi Bình Minh

GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kiểm tra giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.8002.25

Giá trị chuẩn (mm)	1	3	5	7	10	13	15
Giá trị đo được (mm)	1,00	3,00	5,00	7,01	10,02	13,01	15,02

- Độ không đảm bảo đo mở rộng: $U = (0,02 + 0,02L) \mu\text{m}$; L: m
- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(55 \pm 10)\% \text{RH}$



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add): Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD: Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 E-mail: kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website: www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

ZONE 3



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22817

Tên phương tiện đo (Object):

THƯỚC ĐO ĐỘ PHẪNG
MEASURE FLATNESS

Kiểu JZC
 Type

Số hiệu : /
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

(Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước danh nghĩa: 3000x55x25mm

(Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
 Customer

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Số 195/8 Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :
 Calibration Place

Số 195/8 Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp/ Direct comparison

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Bộ căn mẫu chuẩn cấp 1 /Gauge blocks; Grade 1

Thước cuộn / Measuring Tapes

(Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

(Environmental conditions

Độ ẩm (Relative humidity)

(50 ± 10) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with

TCVN 8864:2011

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 22817

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

10/12/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

10/12/2026

TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory



KIỂM GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



KS. Đặng Quốc Dũng

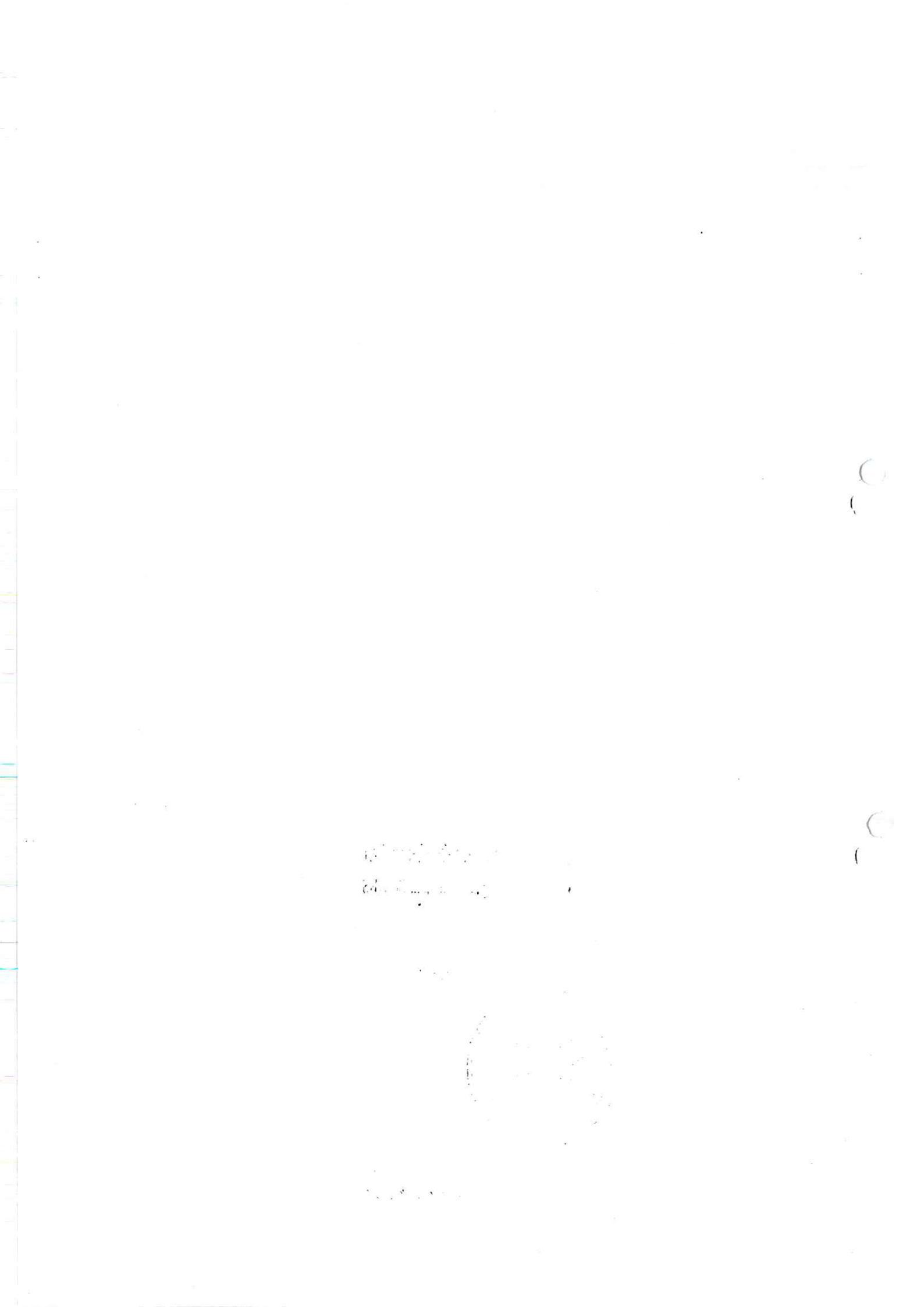
Bùi Bình Minh

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Addr: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing Certificate)

SỐ (N^o): 18.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Cần đo võng Benkelman**

Kiểu (Type): N/A

Số (Serial N^o): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Tiêu chuẩn TCVN 8867 : 2011

Tỷ lệ độ chia của cần 2:1; Đồng hồ so phạm vi đo (0÷10) mm; Độ chia 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa chỉ (Address): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,5 \mu\text{m}$

- Liên kết chuẩn (Linkage to the SI): Đồng hồ so Việt Nam

Kết quả (Results): Số chứng thực **2919/02** quyền số **02-SCT/BS** Xem kết quả trang sau

Ngày: **18-12-2025** (See the measurement results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định



Chu Công Cẩn

Bùi Bình Minh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing results)

TT	Số đọc trên đồng hồ (μm)	Giá trị đặt trên UDT-2 (μm)
1	490	1 000
2	990	2 000
3	1 480	3 000
4	1 980	4 000
5	2 480	5 000
6	2 970	6 000
7	3 460	7 000
8	3 960	8 000
9	4 450	9 000
10	4 950	10 000

Nhiệt độ (Temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người thực hiện



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): **03.029.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): **Kích tay**

Số (Serial N^o): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): **Phạm vi hoạt động: (0 ÷ 320) kN**

Đồng hồ đo áp suất: (0 ÷ 600) kg/cm², độ chia: 10 (kg/cm²)/ vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa chỉ (Address): **195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 01 : 2016**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực nén LRCN 380, phạm vi đo (0÷445) kN**

(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **30 - 4 - 2026**

Số chứng thực quyền sử dụng: **67.05.01**

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

Ngày: **28 -04- 2025**

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định Công nghệ Xây dựng Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Số chỉ trên đồng hồ (kg/cm ²)	Lực đo được (kN)
1	0	0
2	50	10,56
3	100	22,84
4	150	34,55
5	200	46,67
6	250	59,20
7	300	71,33
8	350	83,16
9	400	95,44
10	450	107,85
11	500	119,80
12	550	131,94

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 2,69 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation):

- Khoảng sử dụng từ: $(0 \div 100) \text{ kg/cm}^2$: $F = 0,211 \times P$

- Khoảng sử dụng từ: $(>100 \div 600) \text{ kg/cm}^2$: $F = 0,243 \times P - 1,61$

trong đó: F là lực (kN); P là số chỉ trên đồng hồ (kg/cm²)

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Address: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): **11.029.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ so**

Kiểu (Type): **Cơ**

Số (Serial N^o): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): **Phạm vi đo: (0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): **195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

CHUNG TIẾP BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH (See the calibration results on the next page)

Số chứng thư: **64.13**... quyền số: **0.1**... CT/BS

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **30 - 4 - 2026**

Ngày: **28 -04- 2025**

Ngày **09 tháng 4 năm 2025**

CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU, Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Chu Công Cảnh

Bùi Bình Minh



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(*Calibration results*)

Sai số tổng (<i>Total error on wide range</i>)	+ 12 μm
Sai số thành phần (<i>Partial error</i>):	
1/10 vòng (<i>circle</i>)	+ 7 μm
1/2 vòng (<i>circle</i>)	+ 8 μm
1 vòng (<i>circle</i>)	+ 9 μm
1/5 phạm vi đo (<i>measuring range</i>)	+ 11 μm
Độ hồi sai (<i>Retrace error</i>)	3 μm
Độ lặp lại (<i>Repeatability</i>)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): 22°C

Độ ẩm hiệu chuẩn (*Calibration humidity*): 63 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (*Uncertainty of measurement*):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

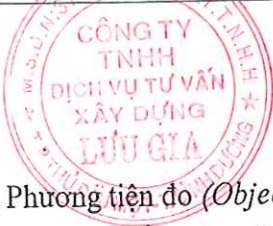
Người hiệu chuẩn

(*Calibrator by*)

Nguyễn Đức Lương



MITEST



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LG1225/04

1. Phương tiện đo (Object): **MÁY ĐO pH**
 2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **HANNA**
 3. Kiểu (Type): **HI98107** Số (Serial No.): **HA08221988** ID: **N/A**
 4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range): **(0,0 ÷ 14,0) pH** Độ phân giải (Division): **0,1 pH**

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**

Địa chỉ (Address): **195/8 Đường 30/4, Khu phố 2, thành phố Hồ Chí Minh**

Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội**

1. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-045**

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-pH4-01	Dung dịch chuẩn pH4/ Standard Solution pH4	CPAChem	12/2025
MT-pH7-01	Dung dịch chuẩn pH7/ Standard Solution pH7	CPAChem	12/2025
MT-pH10-01	Dung dịch chuẩn pH10/ Standard Solution pH10	CPAChem	12/2025
MT-TD-01	Nhiệt kế/ Thermometer	SMEQ	02/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(25 ± 5) °C** < **80 %RH**

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **10/12/2025**

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **10/12/2026**

2. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LG1225/04**

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau (See next page)**

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN quyền số SCT/BS

(Head of Calibration Laboratory)

Ngày: 18-12-2025

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)

Ves

CÔNG CHỨNG VI

TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-045-02 (BH 03; 15/05/2025)



PGĐ. Đỗ Quang Trang

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ áp dụng cho thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LG1225/04

1. Kiểm tra Slope/ Test slope

pH	pH 7-4	pH 7-10
Slope	58,7	58,8
Hiệu suất (%)	99,1	99,3

2. Kiểm tra độ ổn định/ Test of stability @25°C

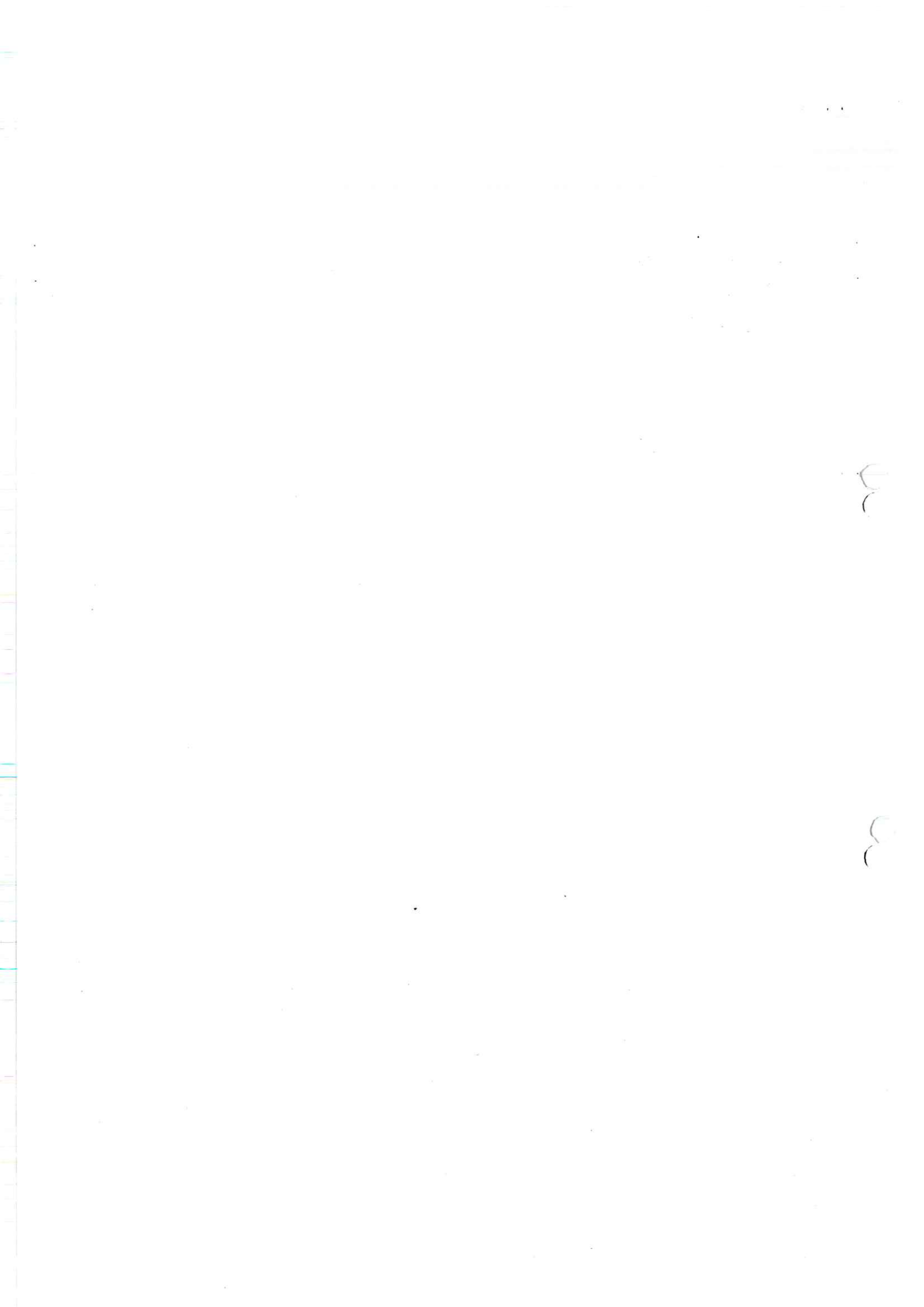
Chuẩn sử dụng/ Use standard	MT-pH7-01			
Giá trị chỉ thị ban đầu/ Indication value at the first time (pH)	Giá trị chỉ thị sau 15 phút/ Indication value after 15m (pH)	Giá trị chỉ thị sau 30 phút/ Indication value after 30m (pH)	Sai lệch sau 15 phút/ Disparity 15m (pH)	Sai lệch sau 30 phút/ Disparity 30 (pH)
7,0	7,0	7,0	0,0	0,0

3. Kiểm tra bù nhiệt/ Test of temperature compensation

Nhiệt độ/ Temperature (°C)	Giá trị chuẩn/ Reference value (pH)	Giá trị chỉ thị/ Indication value (pH)	Sai số/ Error (pH)
25,0	6,965	6,9	-0,1
40,0	6,965	6,9	-0,1

4. Kiểm tra độ chính xác pH tại 25 °C/ pH accuracy test at 25°C

Giá trị chuẩn/ Reference value (pH)	Giá trị chỉ thị/ Indication value (pH)	Sai số/ Error (pH)	Độ KĐBBĐ/ Uncertainty (pH)
4,007	4,0	0,0	0,058
6,965	7,0	0,0	0,058
9,943	9,9	0,0	0,012



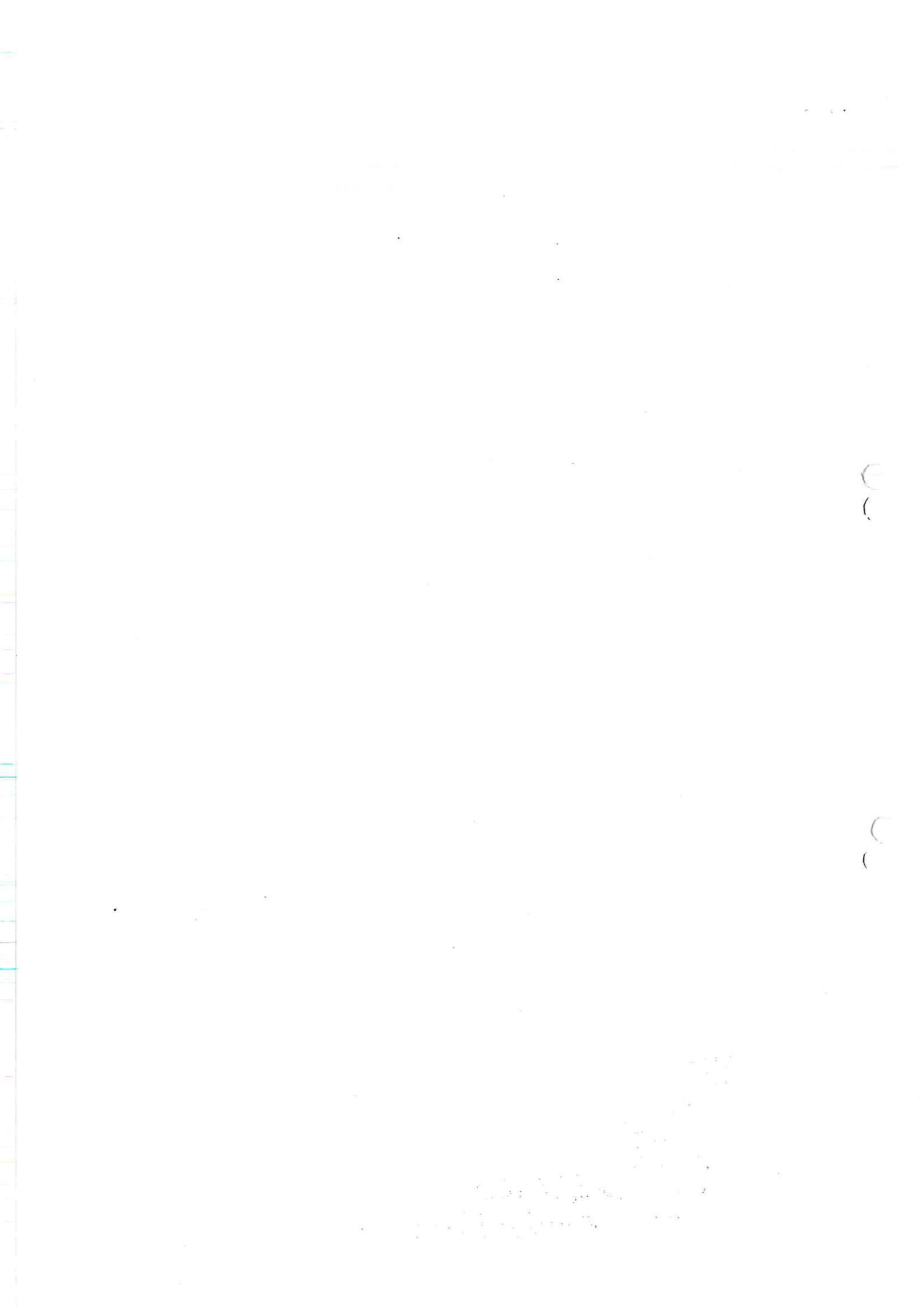


Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LG1225/04

Ghi chú/Notes:

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): **09.029.25**

Tên phương tiện đo (Object): **Nhiệt kế chỉ thị hiện số của lò nung**

Kiểu (Type): **SX₂ - 5 - 12**

Số (Serial N^o): **0236**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications)

Phạm vi làm việc: **(0 ÷ 1 200)°C**, độ phân giải của bộ chỉ thị: **1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): **195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một**

Phương pháp thực hiện (The Method used): **ĐLVN 138 : 2004**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S**

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383 (9)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,1 °C**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

CHUNG THỰC DAN SẠO ĐỒNG VỚI (See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **30 - 4 - 2025**

Ngày: **28 -04- 2025**

Ngày **09 tháng 4 năm 2025**

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU
TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa Học Công Nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của nhiệt kế (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chính (°C)
100	104,0	100,6	-3,4
300	305,0	300,7	-4,3
600	606,0	600,9	-5,1

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,5^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Address: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 10.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Nhiệt kế chỉ thị hiện kim của tủ sấy**

Kiểu (Type): **HN 101**

Số (Serial N^o): **6187**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications):

Phạm vi đo: **(10 ÷ 300)^oC**, giá trị độ chia: **10^oC/ vạch**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): **195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một**

Phương pháp thực hiện (The Method used): **ĐLVN 138 : 2004**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S**

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383 (9)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,1 ^oC**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **30 - 4 - 2026**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

Số chứng thực 20100002025

Quyết số SCT/BS

Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Ngày 18-12-2025 Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

CHỦ CÔNG CÁN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHÚ CƯỜNG

HOÀNG ANH GIANG
VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(*Calibration results*)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của tử số (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chỉnh (°C)
48	50,0	48,1	-1,9
107	110,0	107,6	-2,4
197	200,0	197,1	-2,9

Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): $U = 1,7^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(*Calibrator by*)

Nguyễn Đức Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẢN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẢN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT: 0775.992665 - 0909.992665

Email: doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0151 /CPT/2025

Tên đối tượng:

CÂN PHÂN TÍCH

Object:

K : INS 224A

Số: 5625011502

Serial No:

Nơi sản xuất: Oneko - Japan

Năm: Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Mức cân lớn nhất: 220 g

- Cấp chính xác: I

Maximum range:

Accuracy:

- Giá trị độ chia: 0,1 mg

- Giá trị độ chia kiểm: 1 mg

Division:

Error of indication:

Nơi sử dụng:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User:

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 16: 2021 Cân phân tích và cân kỹ thuật -

Method of verification:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Quy trình kiểm định

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số chứng thực 29102/2025 Quyển số 02/BS

Số tem kiểm định:

165A 08747-12-2025

Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*)

31-12-2026 CHỨNG VIÊN

Valid until:

Kiểm định viên

Verifier by



Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Nguyễn Văn Luân

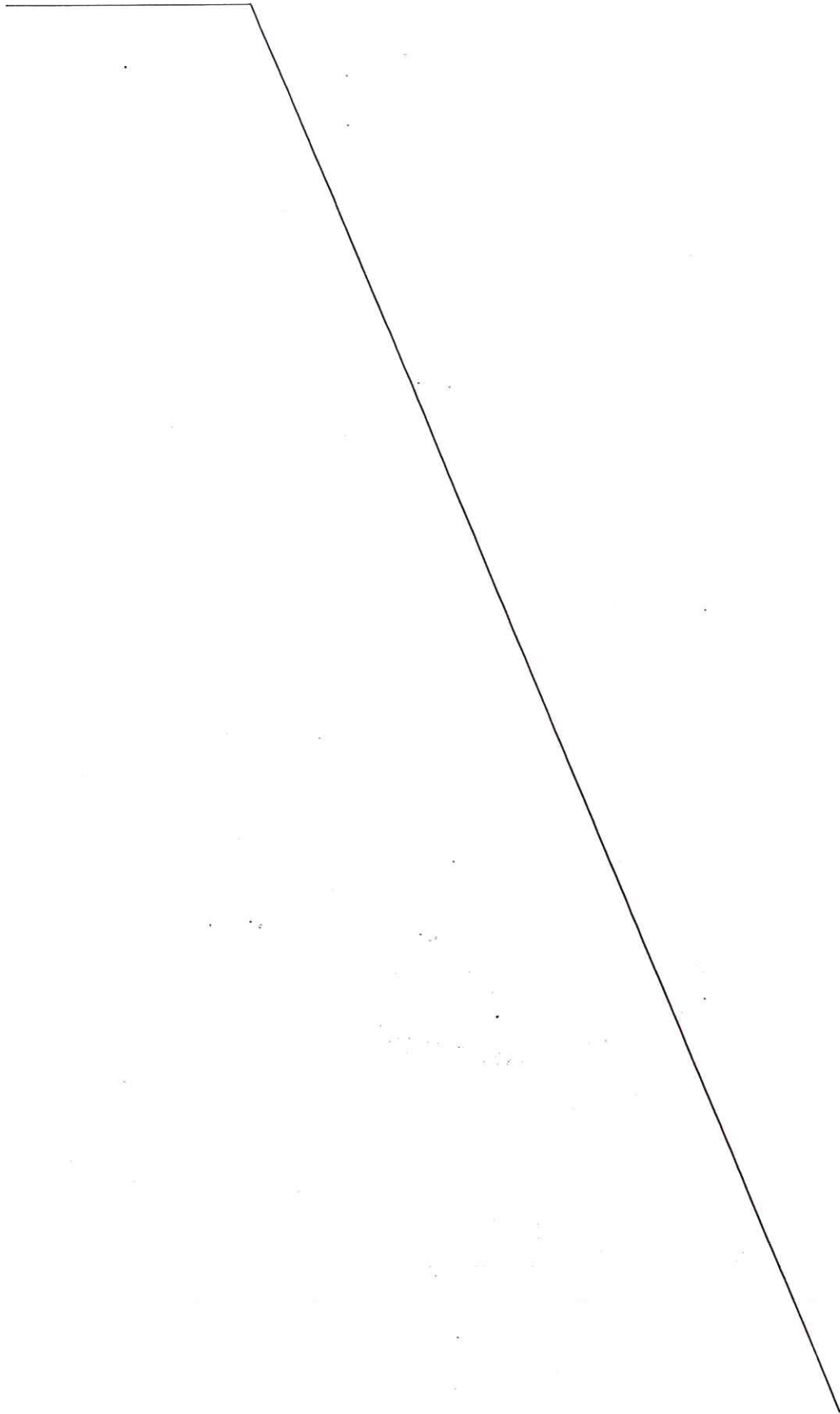


Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ Lê Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (Số): 25H 4212 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân đĩa điện tử

Kiểu (Type): INS 224A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 5625011502

Nơi sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất Pmax=220g Giá trị độ chia nhỏ nhất; d=0.0001g

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 - Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Kết quả (Results):

Table with 4 columns: TT, Khối lượng danh định (g), Khối lượng hiển thị (g), Số hiệu chỉnh (g). Rows 1-5 showing calibration data for weights from 0.0000g to 200.0000g.

Nhiệt độ hiệu chuẩn (24 ± 2)°C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration Recommendation): 05/2026. Số chứng thực: 29104/02. Ngày: 29 tháng 05 năm 2025.

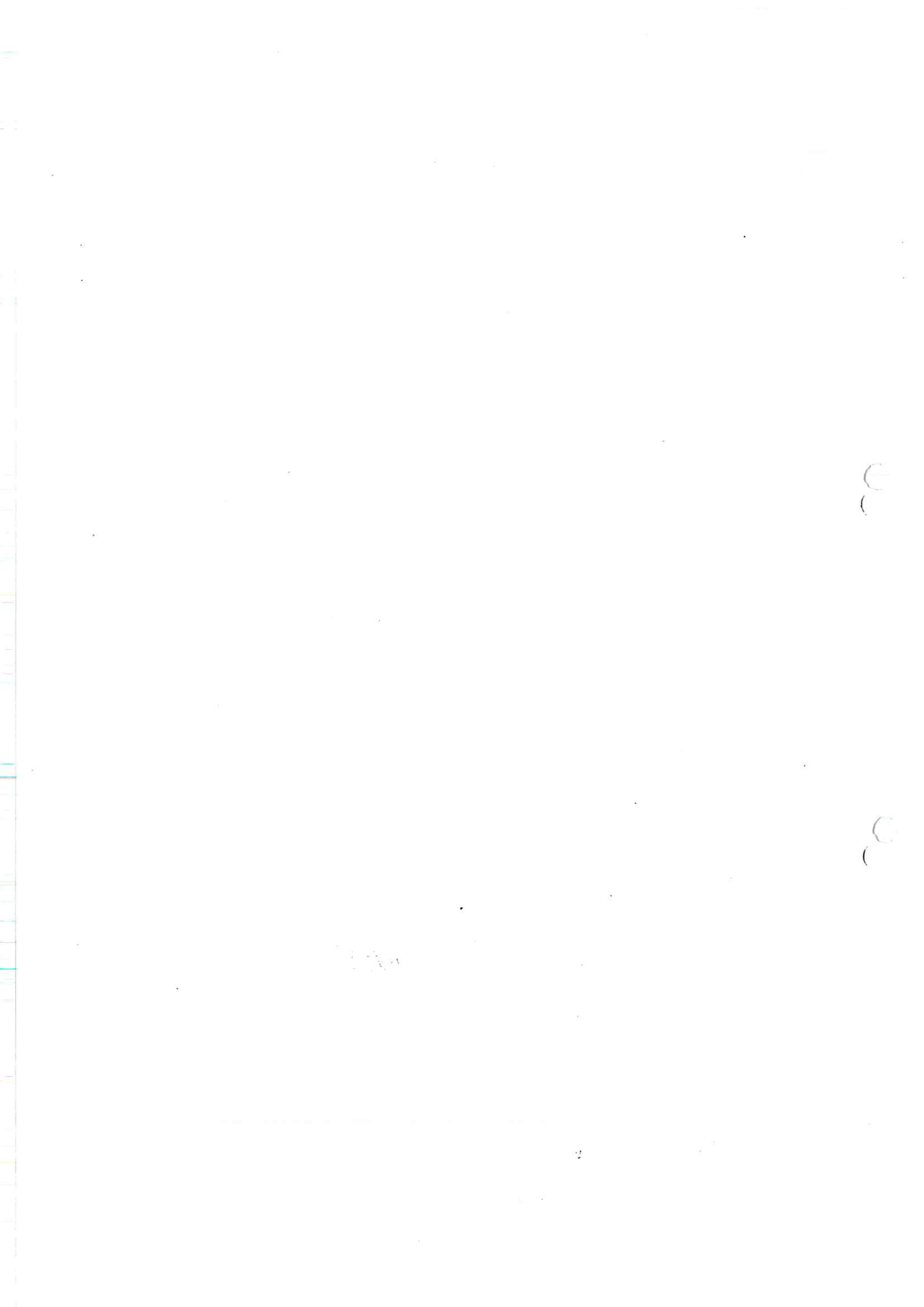
Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical)

Signature of Hoàng Tiến Dũng



TM GIÁM ĐỐC (Head of Director)







BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 14.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Cân đĩa điện tử**

Kiểu (Type): **TPS15**

Số (Serial N^o): **1802562**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **N/A**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications): **MAX = 15 000 g; d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): **195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một**

Phương pháp thực hiện (The Method used): **QTHC 02 : 2018**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ quả cân chuẩn F1**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **30 - 4 - 2026**

Số chứng nhận.....**16**.....quyển số.....**01**.....SCT/BS

Ngày: **28 -04- 2025**

Ngày **09 tháng 4 năm 2025**

CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU **TUO. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng**
TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định **Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD**



Chữ Công Căn

Hoàng Anh Giang

Không được sao chép nội dung của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT (No)	Mức cân (Load) (g)	Giá trị chỉ thị (Indication) (g)	Số hiệu chỉnh (Correction) (g)	Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty) (g)
1	500	501,0	-1,0	0,99
2	1 000	1 001,5	-1,5	0,99
3	2 000	2 004,0	-4,0	1,00
4	5 000	5 007,5	-7,5	1,04
5	10 000	10 011,0	-11,0	1,09
6	15 000	15 014,5	-14,5	1,14

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu (Begins)	23	63
Kết thúc (Ends)	24	64

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy $P = 95,45 \%$ ($k=2$) (Expanded measurement uncertainty U with coverage factor $k=2$; confidence level of $P = 95,45 \%$)

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator)

Nguyễn Đức Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT: 0775.992665 - 0909.992665

Email: doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0214 /CAD/2025

CÂN ĐĨA CHỈ THỊ HIỆN SỐ

Tên đối tượng:

Object:

Kiểu: R21PE30

Số /Mã nhận dạng: 8338310170

Loại:

Serial No /ID:

Đơn vị sản xuất: Ohaus

Năm: Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: III

Specifications:

Accuracy:

- Mức cân lớn nhất: 30 kg

- Mức cân nhỏ nhất: 100 g

Maximum range:

Minimum range:

- Giá trị độ chia: 1 g

- Giá trị độ chia kiểm: 5 g

Division:

Error of indication:

Nơi sử dụng:

Place:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Người/Đơn vị sử dụng:

User:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 15: 2009 Cân đĩa - Quy trình kiểm định

Method of verification:

Kết luận:

Conclusion:

Số tem kiểm định:

Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*)

Valid until:

CHỨNG CHỈ THỊ HIỆN SỐ ĐO LƯỜNG VÀ ĐO LƯỜNG

Số chứng thực: 29176 02 SET/BS

65A 12885

Ngày: 18-12-2025

31-12-2026

CÔNG CHỨNG VIÊN

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước



Bùi Bình

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

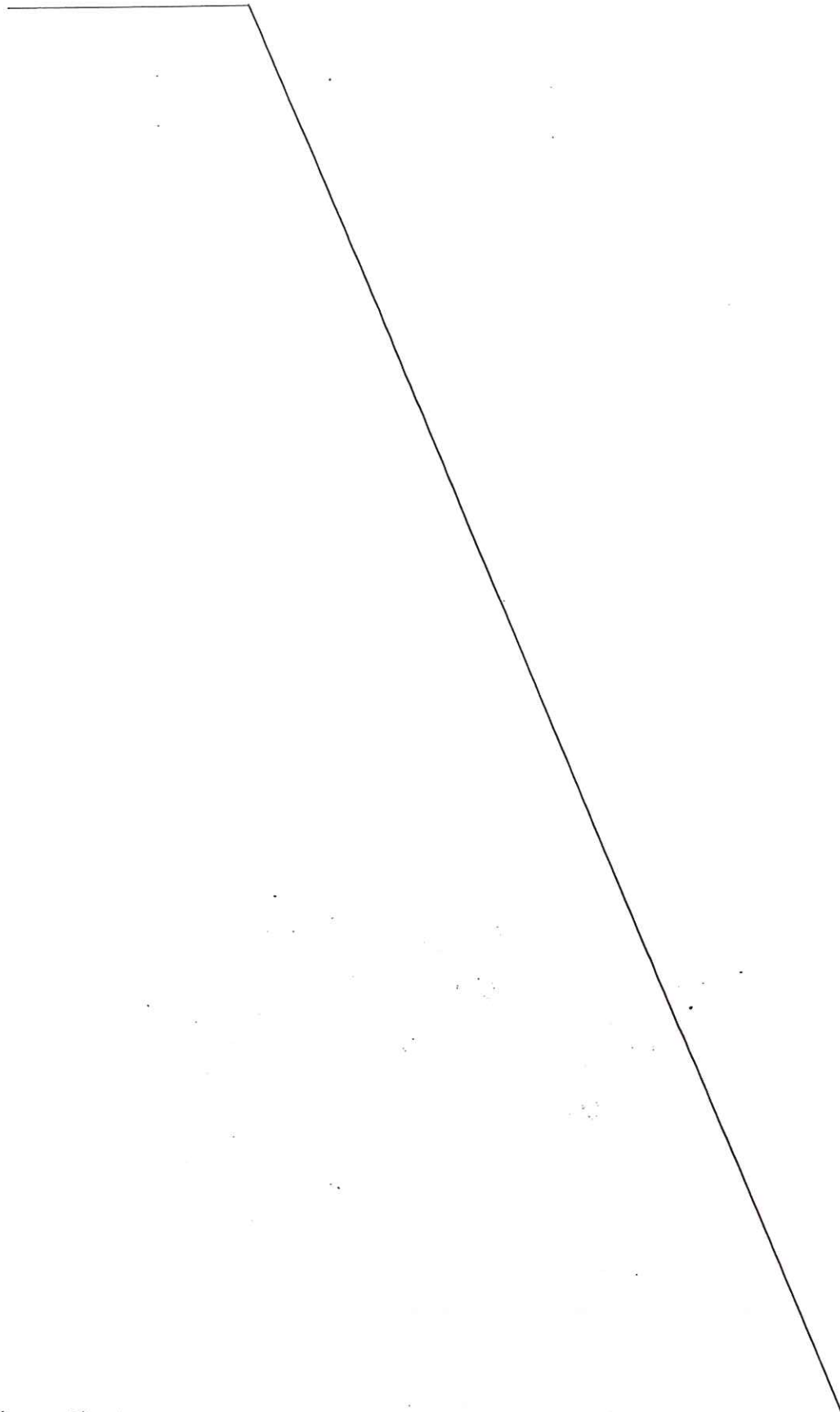


Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0131 /CKT/2025

Tên đối tượng:

CÂN KỸ THUẬT

Object:

Kiểu:

WT31002CFJ

Số:

191104009

Series:

Serial No:

Đơn vị sản xuất:

WANT

Năm:

Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Mức cân lớn nhất: 3100 g

Maximum range:

- Cấp chính xác: II

Accuracy:

- Giá trị độ chia: 0,01 g

Division:

- Giá trị độ chia kiểm: 0,1 g

Error of indication:

Nơi sử dụng:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User:

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 16: 2021 Cân phân tích và cân kỹ thuật -

Method of verification:

Quy trình kiểm định

Kết luận:

CHÚNG THỰC ĐẠT YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG

Conclusion:

Số chứng thư: 20177/02-SCT/BS

Số tem kiểm định:

65A 08746

Verification stamp N°:

Ngày: 18-12-2025

Thời hạn đến: (*)

31-12-2026

Valid until:

CÔNG CHỨNG VIÊN

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

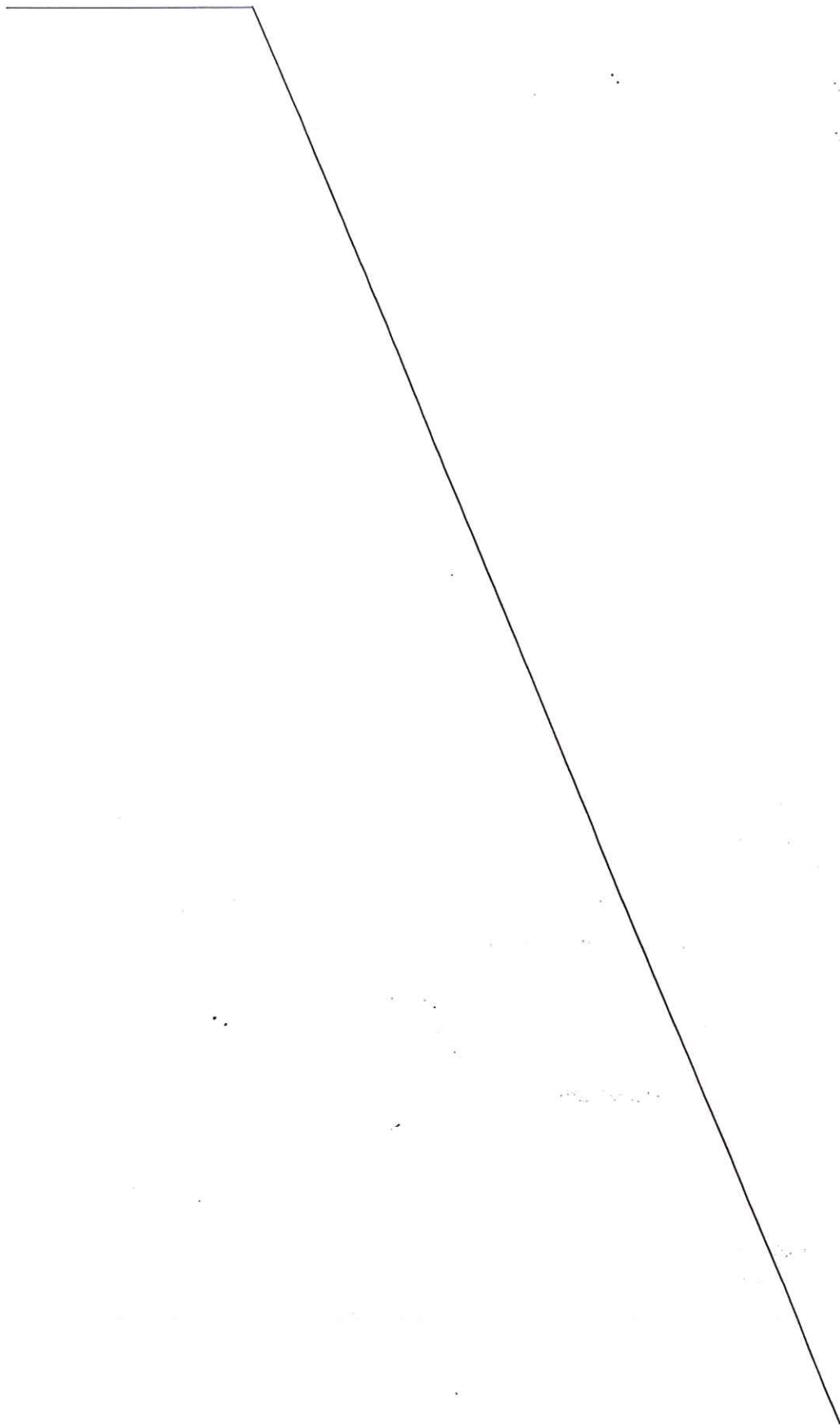
Bùi Bình Minh



Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS





Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam
Hotline: 0358 33 01 60 Email: sale@mitest.vn Website: mitest.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LG1225/01

1. Phương tiện đo (Object):

NHIỆT KẾ CHỈ THỊ HIỆN SỐ VÀ TƯƠNG TỰ (NHIỆT KẾ ĐIỆN TỬ)

2. Nơi sản xuất (Manufacturer):

TRUNG QUỐC

3. Kiểu (Type): WT-1

Số (Serial No.):

N/A

ID:

N/A

4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

Thang đo (Measuring range):	$(-50 \div 100) ^\circ\text{C}$	Độ phân giải (Division):	0,1 $^\circ\text{C}$
	$(> 100 \div 300) ^\circ\text{C}$		0,5 $^\circ\text{C}$

5. Khách hàng (Customer):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address):

195/8 Đường 30/4, Khu phố 2, thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration):

Lab MITEST

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

MITEST-034

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã nhận dạng ID	Thông tin thiết bị (Description)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
MT-NKC25-002	Lò chuẩn nhiệt độ/ Metrology Well Calibrator	VMI	05/2026
MT-NKC650-002	Lò chuẩn nhiệt độ/ Metrology Well Calibrator	VMI	05/2026

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions):

TIỆM SẠCH VÀ ĐỘ ẨN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHẤT $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$

$\leq 80 \%RH$

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date):

05/12/2025

05/12/2025

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommendations):

05/12/2026

05/12/2026

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp):

Ngày: 18-12-2025

MT-LG1225/01

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results):

Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 12 năm 2025

(Date of issue)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)



Vu

TRẦN VĂN VIỆT

MITEST-034-02 (BH 03; 15/05/2025)

Bùi Bình Minh

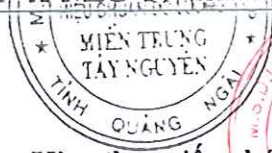


Đỗ Quang Trọng

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin
Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration
VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LG1225/01

Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ/ Temperature accuracy test

Giá trị chuẩn/ Reference value (°C)	Giá trị phương tiện đo/ Measuring instrument value (°C)	Số hiệu chỉnh/ Correction (°C)	Độ KĐBĐ/ Uncertainty (°C)
25,57	25,4	0,2	0,31
51,07	50,9	0,2	0,41
100,87	100,7	0,2	0,34
150,21	150,0	0,2	0,20
200,82	200,5	0,3	0,64
250,90	250,5	0,4	0,63
300,37	300,0	0,4	0,54

Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, độ tin cậy $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2$, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " * " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " * " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665

Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0152 /MKN/2025

Tên đối tượng: MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN

Object:

Kiểu: TYA-300

Số: 180104A

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: China

Năm: 2018

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: + Cấp chính xác: 1

Specifications:

Accuracy:

+ Thang đo : (0 ÷ 300) kN

Giá trị độ chia: 0,01 kN

Measuring range :

Division:

Nơi sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Place: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thù Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thù Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện: DLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -
Method of verification: Quy trình kiểm định

Kết luận: CHỨNG ĐỊNH KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG

Conclusion:

Số tem kiểm định: 65A42880/179 02

Verification stamp N^o:

Ngày: 18-12-2025

Thời hạn đến: (*) 31-12-2026

Valid until:

CÔNG CHỨNG VIÊN

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

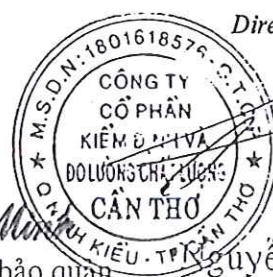
GIÁM ĐỐC

Director

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước



Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (N^o): 0152 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định:
Mode of Verification:

Kiểm định định kỳ
Subsequent verification

- Phương kiểm định:
Direction of verification:

Nén
Compression

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,000	/
60,00	60,221	-0,37
120,00	120,771	-0,64
180,00	179,812	0,10
240,00	240,449	-0,19
300,00	300,681	-0,23

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665

Email : doluongcanho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 0152 /MKN/2025

Tên đối tượng: MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN

Object:

Kiểu: TYA-300

Số: 180104A

e:

Serial No:

Nơi sản xuất: China

Năm: 2018

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: + Cấp chính xác: 1

Specifications:

Accuracy:

+ Thang đo : (0 ÷ 300) kN

Giá trị độ chia: 0,01 kN

Measuring range :

Division:

Nơi sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Place: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User: 195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện: DLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -

Method of verification:

Quy trình kiểm định

Kết luận:

CHÚNG ĐƯỢC BÌNH CẢO KỸ CHUẨN LƯU GIA

Conclusion:

Số chứng thực: 29.170.02

Số tem kiểm định:

65A 12880

Verification stamp N°:

Ngày: 18-12-2025

Thời hạn đến: (*)

31-12-2026

Valid until:

CÔNG CHỨNG VIÊN

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước



Bùi Bình



Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (N^o): 0152 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định: Kiểm định định kỳ
Mode of Verification: Subsequent verification

- Phương kiểm định: Nén
Direction of verification: Compression

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,000	/
60,00	60,221	-0,37
120,00	120,771	-0,64
180,00	179,812	0,10
240,00	240,449	-0,19
300,00	300,681	-0,23

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665

Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0153 /MKN/2025

Tên đối tượng:

MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN

Object:

Kiểu:

WEW-1000B

Số:

200112

Serial No:

Nơi sản xuất:

China

Năm:

2020

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

+ Cấp chính xác: 1

Specifications:

Accuracy:

+ Thang đo :

(0 ÷ 1000) kN

Giá trị độ chia:

0,01 kN

Measuring range :

Division :

Nơi sử dụng:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Place:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thù Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

User:

195/8, đường 30/4, khu phố 2, phường Thù Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -

Method of verification:

Quy trình kiểm định

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số chứng thực: 29.100.02

Số tem kiểm định:

65A 12881

Verification stamp N^o:

Ngày: 18-12-2025

Thời hạn đến: (*)

31-12-2026

Valid until:

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước



Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director



Bùi Bình Minh

Nguyễn Thanh Lương

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số 0153 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định:
Mode of Verification:

Kiểm định định kỳ
Subsequent verification

- Phương kiểm định: Nén
Direction of verification: Compression

Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,00	0,00	/
200,00	198,56	0,72
400,00	399,69	0,08
600,00	598,83	0,19
800,00	801,24	-0,15
1000,00	1001,87	-0,19



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Hưng Đạo - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 02.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo, nén, uốn**

Kiểu (Type): **WEW - 1000B**

Số (Serial N^o): **200112**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Năm sản xuất: **2020**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications):

Phạm vi đo: (0 ÷ 1 000) kN, độ phân giải của bộ hiển thị: 0,01 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): **195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0÷2 225) kN**

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 20202025... quyền Bộ hiệu chuẩn COOPER, Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration recommended): **30 - 4 - 2026**



Ngày 09 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định, Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh
Chu Công Cảnh



Hoàng Anh Giang
Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(*Calibration results*)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	150	149,78
3	300	297,52
4	450	446,67
5	600	595,73
6	750	744,81
7	850	843,08

Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

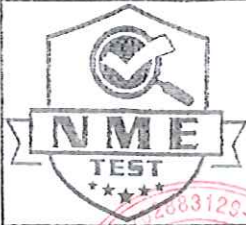
Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): $U = 0,51 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(*Calibrated by*)

Nguyễn Đức Lương



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (BK 400)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, số 01/04 - Khu dân cư Lê Dương - Lê Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (No): 25H 9429 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Phương tiện đo lực - Kích 100 Tấn

Kiểu (Type): JSC-100200 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 24036052228

Nơi sản xuất (Manufacturer): Hàn Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN
Đồng hồ áp : (0- 60) Mpa , d=1Mpa

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA

Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: 12 - 2026

Số chứng thực: 29.198.02.2025
Hà Nội, Ngày 10 tháng 12 năm 2025

Ngày: 18 -12- 2025 (Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical) CÔNG CHỨNG VIÊN

TM GIÁM ĐỐC (On behalf of Director)



Hoàng Tiên Dũng

Bùi Bình Minh



PGĐ. Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No) : 25H 9429 /MB.CN

STT	Giá trị trên phương tiện đo (Mpa)	Giá trị chuẩn (kN)
1.	0	0
2.	5	87.13
3.	10	148.61
4.	15	208.24
5.	20	282.36
6.	25	350.78
7.	30	420.75
8.	35	490.91
9.	40	556.26
10.	45	636.36
11.	50	712.63
12.	55	789.23

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0.0176x^2 + 13.131x + 10.627$$

Trong đó: y : lực đo được (kN)

x: Chỉ thị trên đồng hồ áp (Mpa)

Thiết bị được đo tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 25H 9427/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 5502940
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 50) mm; d = 0,01 mm
Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**
Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001
Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
BM1-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) μm, [L]:m

Kết quả (Results):
* Nhiệt độ hiệu chuẩn: (26 ± 2) °C.
* Sai số thành phần: ± 5 μm. Độ hồi sai: ± 2 μm.
* Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) μm. L tính bằng m, k =2, mức tin cậy ≈ 95%.

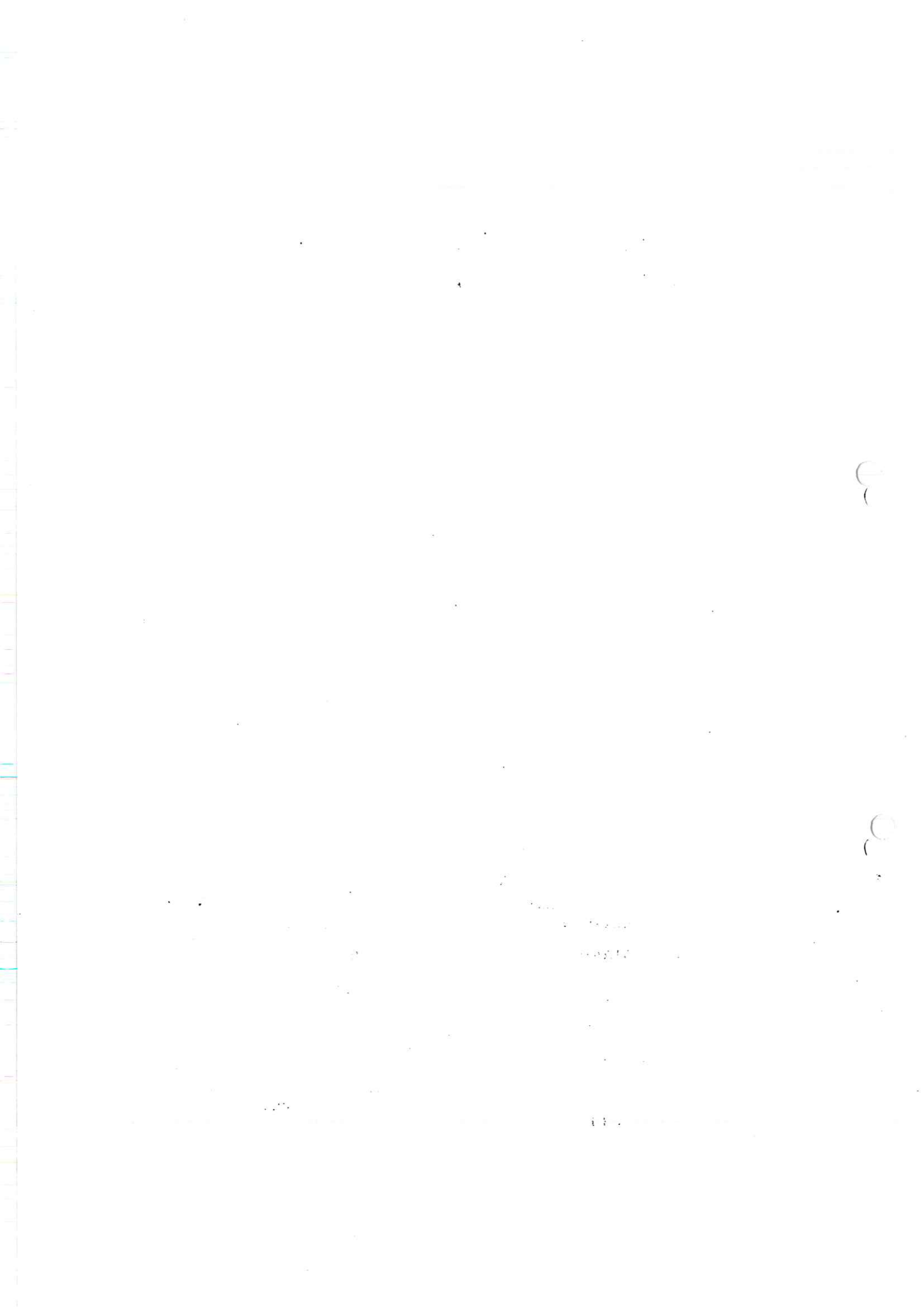
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 12 - 2026
Hà Nội, Ngày 10 tháng 12 năm 2025
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical) **CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH** TM GIÁM ĐỐC
(Signature) 2919202 SCT/PS (On behalf of Director)

Ngày: 18-12-2025

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHỤ CƯỜNG
Hoàng Tiến Dũng
S.Đ.K.H.Đ: 792024020121-CX.H.D
THỦ ĐẤU MỘT - T.P. HỒ CHÍ MINH

M.S.D.N: 0108464455-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC
HÀ NỘI
PGĐ. Cao Văn Hùng





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Duong - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 25H 9428/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng
 Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 5502928
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 50) mm; d = 0,01 mm
 Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**
 Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Thành phố Hồ Chí Minh
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001
 Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so
 BMI-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) μm, [L]:m

Kết quả (Results):
 * Nhiệt độ hiệu chuẩn: (26 ± 2) °C.
 * Sai số thành phần: ± 6 μm. Độ hồi sai: ± 3 μm.
 * Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) μm. L tính bằng m, k =2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 12 - 2026
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 12 năm 2025

Số chứng thực: 29 193 02 (Date of issue)
 Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical) Ngày: 18-12-2025
 TM GIÁM ĐỐC (On behalf of Director)

CÔNG CHỨNG VIÊN

 Hoàng Tiên Dũng

PGĐ. Cao Văn Hùng

Bùi Bình Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, số CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Measurement & Testing Certificate)

Số (Số): 25ĐT 0264 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy đo điện trở

Kiểu (Type): KEW 4105A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): E 8481442

Loại sản xuất (Manufacturer): Thái Lan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Giải đo: 0 - 2000Ω Độ chính xác: ±2%±2 digits

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA Địa chỉ (Address): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB3.03 – Hộp điện trở chuẩn

Kết quả (Results): Máy hoạt động bình thường, phù hợp để kiểm tra đo điện trở.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended Recalibration): 22-04-2026

Số chứng nhận: 6421/01/2025 Ngày 22 tháng 04 năm 2025 (Date of issue)

Ngày: 28-04-2025

Trưởng phòng kỹ thuật (Head of technical)

CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC NGÔ THỊ HỒNG THU (Director)



Hoàng Tiến Dũng

Bùi Bình Minh

TM GIÁM ĐỐC



PGĐ. Cao Văn Hùng





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Addr: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 05.029.25

Tên phương tiện đo (Object): **Đầu đo lực máy nén CBR**

Kiểu (Type): PST-A

Số loadcell (Serial N^o): A7P5077

Nơi sản xuất (Manufacturer): MK Cells

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Bộ hiển thị model: X2

Phạm vi đo: (0 ÷ 5 000) kg, độ phân giải: 0,5 kg

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn xây dựng Lưu Gia**

Địa điểm thực hiện (The Place): 195/8 đường 30/4, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380: phạm vi đo (0÷111) kN

(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG (See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended): 31 - 4 - 2026

Ngày: 28 -04- 2025

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định **TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng**
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Căn
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
NGÔ THỊ HỒNG THU

Hồng Anh Giang
VIỆN
CHUYÊN NGÀNH
KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG

Không được sao chép nội dung của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

Trang: 1/2
(N^o of pages)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy		Giá trị lực đo được	
	(kg)	(N)	(kg)	(N)
1	0	0	0	0
2	500	4 903	497	4 872
3	1 000	9 807	995	9 761
4	1 500	14 710	1 493	14 638
5	2 000	19 613	1 990	19 519
6	2 500	24 517	2 488	24 395
7	3 000	29 420	2 985	29 274
8	3 500	34 323	3 484	34 167
9	4 000	39 227	3 982	39 053
10	4 500	44 130	4 480	43 938

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,54 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



ISO 9001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN
SAFETY INSPECTION & TRAINING JOIN STOCK COMPANY
ĐC: 14/24 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
VP: 362 (315 cũ) Phạm Hữu Lầu, xã Phước Kiển, H. Nhà Bè, Tp.HCM
Email: sit_jsc@kiemdinhhlat.vn Website: kiemdinhhlat.vn
ĐT: 028. 3893 9887 ĐD: 0903 710 352



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH (CERTIFICATION OF VERIFICATION)

Số/No : 00345.../ KĐ.HLAT

- Thiết bị (Equipment) : MÁY THỦY BÌNH/ AUTOMATIC LEVEL
 - Mã hiệu (Model) : AP-281
 - Số chế tạo (Serials No) : 305157
 - Nhà chế tạo (Manufacturer) : PENTAX - CHINA
 - Năm chế tạo (Year) : N/A
- Thông số kỹ thuật cơ bản (Basic technological parametres on)
 - Phạm vi bù tự động/ Automatic compensator (Range): ± 15"
 - Độ chính xác chênh lệch (Đo đi, đo về trên 1km): ± 2.0 mm
 - Độ nhạy của bọt thủy/ Sensitivity of circular level: 10'/2 mm
 - Độ phóng đại /Magnification: 24X
- Thuộc đơn vị (User): CÔNG TY TNHH DV TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA
Địa chỉ (Add): 195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phương pháp (The method used): Tiêu chuẩn quốc tế ISO 17123-2
- Phương tiện chuẩn (Means of verification)
Loại thiết bị: Máy thủy chuẩn FPM-005 (Liên kết chuẩn đến VMI) với U = 1 mm
Kết quả chuẩn:
Sai số lớn nhất trong vượt quá giá trị $\Delta = \pm 2.0 \text{ mm}/1\text{km}$
Độ không đảm bảo đo mở rộng U = 2.5 mm với hệ số phủ k = 2, P = 95%
- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions): (27 ± 2)°C; (60 ± 10)% RH
- Kết quả (Conclusion): Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường
(Complying with the emetrological requirements)
- Ngày kiểm định (Date of Verification): 25/12/2025
- Tem kiểm định số (Verification stamp N°): 02534..
- Có giá trị đến (Valid until): 25/12/2026

KIỂM ĐỊNH VIÊN (Inspector) _____ Số chứng thực: 30344...
Cty CP Kiểm Định & HLAT
KIỂM ĐỊNH VIÊN Ngày: 30-12-2025
Số: 04-31/KĐV



Bùi Bình Minh



ISO 9001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN
SAFETY INSPECTION & TRAINING JOIN STOCK COMPANY
ĐC: 14/24 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
VP: 362 (315 cũ) Phạm Hữu Lầu, xã Phước Kiên, H. Nhà Bè, Tp.HCM
Email: sit_jsc@kiemdinhhlat.vn Website: kiemdinhhlat.vn
ĐT: 028. 3893 9887 ĐD: 0903 710 352



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (No): 00341/KĐ.HLAT

TÊN PHƯƠNG TIỆN ĐO (Object): **NHIỆT KẾ THỦY TINH/ THERMOMETER**

KIỂU (Type): **Chỉ thị số**

NHÀ SẢN XUẤT (Manufacturer): **N/A**

SỐ CHẾ TẠO (Serial No): **N/A**

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT (Specifications):

- Phạm vi đo (Measuring range): **(0 ÷ 100)°C**
- Giá trị vạch chia (Division): **5°C**

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (Client): **CÔNG TY TNHH DV TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**

Địa Chỉ (Place): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh**

PHƯƠNG PHÁP KIỂM ĐỊNH (Method of Verification): **ĐLVN 20:2017**

CHUẨN ĐƯỢC SỬ DỤNG (Standards Used)

ID	Description	Traceable to	Cal. Date	Due date
HC-N001/TB1-71	Bộ chuẩn nhiệt độ hiện số Temperature Indicator Standard	Quatest 3	11/2025	11/2026

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG (Environmental Conditions): **(25±2)°C ; (60±5)%RH**

KẾT QUẢ (Results): **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**

(Complying with the emetrological requirements)

TEM KIỂM ĐỊNH SỐ (Verification stamp No): **02531**

NGÀY KIỂM ĐỊNH (Date of Verification): **25/12/2025**

CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN (Valid until): **25/12/2026**

KIỂM ĐỊNH VIÊN Ngày: **30-12-2025** TP.HCM, ngày 25 tháng 12 năm 2025

(Inspector) C.ty CP Kiểm Định & HLAT CÔNG CHỨNG VIÊN

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số: 04-31/KĐ



Bùi Bình Minh



ISO 9001:2015



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN
SAFETY INSPECTION & TRAINING JOIN STOCK COMPANY
ĐC: 14/24 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
VP: 362 (315 cũ) Phạm Hữu Lầu, xã Phước Kiên, H. Nhà Bè, Tp.HCM
Email: sit_jsc@kiemdinhhlat.vn Website: kiemdinhhlat.vn
ĐT: 028. 3893 9887 ĐD: 0903 710 352

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (No): 00342 /KD.HLAT

TÊN PHƯƠNG TIỆN ĐO (Object): **NHIỆT KẾ THỦY TINH/ THERMOMETER**

KIỂU (Type): **Chỉ thị số**

NHÀ SẢN XUẤT (Manufacturer): **N/A**

SỐ CHẾ TẠO (Serial No): **N/A**

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT (Specifications):

- Phạm vi đo (Measuring range): **(0 ÷ 300)°C**
- Giá trị vạch chia (Division): **2°C**

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (Client): **CÔNG TY TNHH DV TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**

Địa Chỉ (Place): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh**

PHƯƠNG PHÁP KIỂM ĐỊNH (Method of Verification): **ĐLVN 20:2017**

CHUẨN ĐƯỢC SỬ DỤNG (Standards Used)

ID	Description	Traceable to	Cal. Date	Due date
HC-N001/TB1-71	Bộ chuẩn nhiệt độ hiện số Temperature Indicator Standard	Quatest 3	11/2025	11/2026

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG (Environmental Conditions): **(25±2)°C ; (60±5)%RH**

KẾT QUẢ (Results): **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
(Complying with the emetrological requirements)

TEM KIỂM ĐỊNH SỐ (Verification stamp No): **02532**

NGÀY KIỂM ĐỊNH (Date of Verification): **25/12/2025**

CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN (Valid until): **25/12/2026**

KIỂM ĐỊNH VIÊN Ngày: **30-12-2025**

(Inspector) **CÔNG CHỨNG VIÊN**

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số: 04-31/KĐV



Bùi Bình Minh





ISO 9001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN
SAFETY INSPECTION & TRAINING JOIN STOCK COMPANY
ĐC: 14/24 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
VP: 362 (315 cũ) Phạm Hữu Lầu, xã Phước Kiên, H. Nhà Bè, Tp.HCM
Email: sit_jsc@kiemdinhhlat.vn Website: kiemdinhhlat.vn
ĐT: 028. 3893 9887 ĐD: 0903 710 352



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (No): 00344./KD.HLAT

TÊN PHƯƠNG TIỆN ĐO (Object): **NHIỆT KẾ THỦY TINH/ THERMOMETER**
KIỂU (Type): **Chỉ thị số**
NHÀ SẢN XUẤT (Manufacturer): **N/A**
SỐ CHẾ TẠO (Serial No): **N/A**
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT (Specifications):
• Phạm vi đo (Measuring range): **(0 ÷ 360)°C**
• Giá trị vạch chia (Division): **2°C**

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (Client): **CÔNG TY TNHH DV TƯ VẤN XÂY DỰNG LƯU GIA**
Địa Chỉ (Place): **195/8 Đường 30/4, Khu Phố 2, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh**
PHƯƠNG PHÁP KIỂM ĐỊNH (Method of Verification): **ĐLVN 20:2017**
CHUẨN ĐƯỢC SỬ DỤNG (Standards Used)

ID	Description	Traceable to	Cal. Date	Due date
HC-N001/TB1-71	Bộ chuẩn nhiệt độ hiện số Temperature Indicator Standard	Quatest 3	11/2025	11/2026

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG (Environmental Conditions): **(25±2)°C ; (60±5)%RH**
KẾT QUẢ (Results): **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
(Complying with the emetrological requirements)

TEM KIỂM ĐỊNH SỐ (Verification stamp No): **02533..**
NGÀY KIỂM ĐỊNH (Date of Verification): **25/12/2025**
CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN (Valid until): **25/12/2028**

Số chứng thực... ngày 25 tháng 12 năm 2025

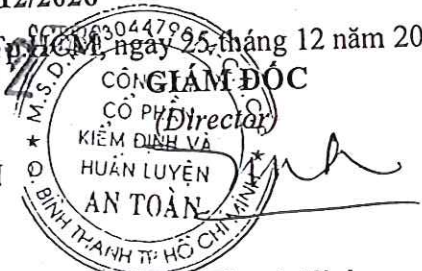
KIỂM ĐỊNH VIÊN (Inspector) Ngày: **30-12-2025**

Cty CP Kiểm Định & HLAT

CÔNG CHỨNG VIÊN

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số: 04-31/KP



Hoàng Thanh Tịnh

Bùi Bình Minh

